

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-01 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214152

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0001	35211020582	Huỳnh Tuấn An	27/10/1999	LT26.1AD01				
2	0002	35221020976	Lâm Quốc An	29/08/2000	LT27.1AD03				
3	0003	35211025133	Luân Long An	01/10/1996	LT26.2FT03				
4	0004	33211020435	Nguyễn Đình An	09/04/1996	VB24.1FT01				
5	0005	35221020105	Nguyễn Đức Duy An	03/06/2000	LT27.1AD05				
6	0006	86231480001	Nguyễn Phúc Thái An	14/09/2000	CD23SI1AD1				
7	0007	35221020412	Nguyễn Thị Thúy An	28/06/1994	LT27.1KN03				
8	0008	33211020298	Phạm Hoài Trường An	22/07/1998	VB24.1NH01				
9	0009	35221021235	Phạm Thị Thúy An	27/08/1999	LT27.1KN04				
10	0010	87222020041	Vũ Mỹ An	05/01/2000	V122TP2KT1				
11	0011	35211025322	Đặng Thị Lan Anh	08/06/1999	LT26.2IB01				
12	0012	35211020676	Đặng Tú Anh	26/04/1991	LT26.1NH01				
13	0013	35221020199	Đinh Thùy Kim Anh	28/08/1997	LT27.1IB01				
14	0014	HCMVB120211027	Đoàn Ngọc Anh	10/05/1993	V121TP1KT1				
15	0015	HCMVB120194237	Hồ Liên Anh	12/12/1997	V119TP4MA1				
16	0016	HCMTC20204020	Hồ Thị Tú Anh	22/10/2001	TC20TP4KT1				
17	0017	35211020034	Lê Thị Lan Anh	12/02/1998	LT26.1FN01				
18	0018	86231480023	Mai Thị Ngọc Anh	03/06/1991	CD23SI1AD2				
19	0019	35221020184	Nguyễn Đào Hồng Anh	09/11/1999	LT27.1FT05				
20	0020	35211025327	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	27/04/2000	LT26.2MR01				
21	0021	35221025889	Nguyễn Thị Phương Anh	10/11/2000	LT27.2IB02				
22	0022	HCMVB120204045	Nguyễn Thị Phương Anh	21/7/2000	V120TP4KD1				
23	0023	HCMVB120213035	Nguyễn Thị Quế Anh	19/5/1998	V121TP3LD1				
24	0024	35201025265	Nguyễn Thị Vân Anh	08/11/1996	LT25.2FN01				
25	0025	HCMCD20202057	Nguyễn Vũ Tuấn Anh	16/12/1996	CD20TP2KT1				
26	0026	35211025292	Phạm Quế Anh	05/04/2000	LT26.2KS01				
27	0027	35221020766	Phạm Thị Nguyên Anh	12/01/2001	LT27.1FT02				
28	0028	35221020013	Phạm Thị Phương Anh	05/11/2000	LT27.1FN01				
29	0029	HCMVB120204202	Phạm Tú Anh	11/02/2000	V120TP4QT1				
30	0030	35221020033	Thái Nguyễn Tuyền Anh	29/12/1999	LT27.1AD01				
31	0031	35211025220	Tiểu Ngọc Lan Anh	06/04/1999	LT26.2FT01				
32	0032	HCMVB120211079	Trần Minh Anh	20/01/1997	V121TP1NL1				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-01 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214152

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0033	HCMVB120212041	Trần Minh Anh	28/07/1997	V121TP2KD1				
34	0034	88221020192	Trương Mai Trúc Anh	02/01/2000	V122TP1LD1				
35	0035	35221020006	Lê Thị Quỳnh Ái	12/02/1991	LT27.1KN01				
36	0036	35221020872	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/01/2000	LT27.1NH01				
37	0037	35221020048	La Thuận Ân	02/09/1999	LT27.1AD03				
38	0038	HCMVB120204024	Mông Siêu Ân	14/11/1997	V120TP4KT1				
39	0039	35221021023	Nguyễn Thị Hoàng Ân	19/07/2000	LT27.1AD04				
40	0040	35221020498	Phùng Ngọc Ân	31/12/2003	LT27.1KN04				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-02 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214153

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0041	33201020229	Cù Trần Bảo	29/03/1983	VB23.1KN01				
2	0042	35221025118	Hồ Gia Bảo	15/03/2000	LT27.2NH01				
3	0043	89233020048	Lê Quốc Bảo	18/12/2000	V223TP3IB1				
4	0044	35221021270	Nguyễn Quốc Bảo	16/02/1999	LT27.1FT05				
5	0045	33201025301	Nguyễn Thái Bảo	30/01/1989	VB23.2LA01				
6	0046	HCMVB120213147	Nguyễn Văn Bảo	28/3/1999	V121TP3QT1				
7	0047	35221020411	Trần Gia Bảo	07/02/2000	LT27.1IB02				
8	0048	35211020768	Lê Thị Bằng	10/08/1992	LT26.1NH01				
9	0049	33191025391	Nguyễn Văn Bằng	22/04/1992	VB22.2FT01				
10	0050	35221020994	Nguyễn Văn Bi	02/02/1992	LT27.1AD01				
11	0051	35221025050	Ngô Thị Ngọc Bích	15/02/1995	LT27.2IB01				
12	0052	86221020039	Lại Đức Bình	28/8/1999	CD22TP1KD1				
13	0053	HCMVB120201027	Lê Thị Tú Bình	29/8/2000	V120TP1KD1				
14	0054	35221021067	Nguyễn Nguyệt Bình	31/03/2001	LT27.1FT06				
15	0055	35221020098	Nguyễn Thị Thanh Bình	09/01/2000	LT27.1MR03				
16	0056	89214020009	Phạm Mai Nhật Bình	13/01/1997	V221TP4MA1				
17	0057	35221025167	Nguyễn Thị Ngọc Bích	24/09/1998	LT27.2IB01				
18	0058	35221025454	Phạm Thị Bích	22/11/2001	LT27.2KN05				
19	0059	35221020671	Phạm Thị Ngọc Bích	09/02/2001	LT27.1AD02				
20	0060	33211020237	Trần Văn Cao	07/05/1998	VB24.1MR01				
21	0061	86231480002	Nguyễn Đức Cảnh	09/11/1996	CD23SI1AD1				
22	0062	33211020042	Trần Thanh Cảnh	20/01/1993	VB24.1LA02				
23	0063	HCMVB120203024	Lê Mỹ Cẩm	18/07/1999	V120TP3KT1				
24	0064	HCMVB120202128	Lâm Minh Chánh	27/04/1992	V120TP2QT1				
25	0065	35221020263	Đỗ Ngọc Minh Châu	19/04/2000	LT27.1IB02				
26	0066	35221020825	Đỗ Nguyễn Quỳnh Châu	19/02/2001	LT27.1AD02				
27	0067	33221020369	Lê Ngọc Châu	02/02/1996	VB25.1FT01				
28	0068	35221020128	Nguyễn Thị Trâm Châu	04/03/1999	LT27.1NH01				
29	0069	35221020911	Thái Thị Kim Châu	20/06/1997	LT27.1KN01				
30	0070	35201025295	Trần Thị Kim Châu	23/10/1989	LT25.2IB01				
31	0071	35221025698	Trương Thị Minh Châu	04/11/2001	LT27.2IB01				
32	0072	35221020809	Nguyễn Thị Kim Chi	04/02/2000	LT27.1KN03				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-02 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214153

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0073	35221020650	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	14/08/1997	LT27.1KN02				
34	0074	35211020237	Võ Thị Kim Chi	26/06/1997	LT26.1MR01				
35	0075	33201020434	Nguyễn Quốc Chí	05/07/1994	VB23.1MR01				
36	0076	35221020095	Nguyễn Ngọc Trăng Chín	15/03/1998	LT27.1KN03				
37	0077	35211020646	Võ Bích Hương Claudia	20/01/1994	LT26.1NH01				
38	0078	35221020164	Phùng Thị Kim Cúc	04/04/1998	LT27.1FT02				
39	0079	86231480024	Hồ Sỹ Cường	02/12/1999	CD23SIIAD1				
40	0080	35221020422	Huỳnh Quốc Cường	03/09/1996	LT27.1FT03				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-03 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214154

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0081	35221020721	Lê Hữu Cường	06/09/1999	LT27.1MR03				
2	0082	35221020695	Nguyễn Chí Cường	08/02/2000	LT27.1IB02				
3	0083	35221020816	Nguyễn Quốc Cường	29/09/2000	LT27.1KN04				
4	0084	35221020530	Trần Thị Thanh Dạng	28/12/1999	LT27.1FT05				
5	0085	33201020295	Dư Kiện Dân	14/11/1993	VB23.1FN01				
6	0086	87221020071	Lê Kiều Diễm	28/06/1993	V122TP1LD1				
7	0087	35211025088	Hồ Thị Thúy Diễm	27/02/2000	LT26.2IB01				
8	0088	35211020432	Âu Thị Diễm	21/12/1997	LT26.1KN03				
9	0089	86231480003	Bùi Thúy Diễm	03/03/1999	CD23SIIAD1				
10	0090	35221021254	Nguyễn Thị Ái Diễm	27/06/1993	LT27.1AD04				
11	0091	35221020477	Nguyễn Thị Thúy Diễm	12/11/1998	LT27.1HQ01				
12	0092	86231480025	Phạm Ngọc Diễm	25/03/1999	CD23SIIAD2				
13	0093	HCMVB120213210	Trần Thị Ngọc Diễm	06/10/1992	V121TP3TC1				
14	0094	35221020782	Trương Thúy Diễm	11/08/1996	LT27.1KN01				
15	0095	35221020607	Dương Thị Mỹ Diệu	10/04/1999	LT27.1FT03				
16	0096	33201025247	Trần Duẫn	01/02/1989	VB23.2KN01				
17	0097	35221025297	Châu Thị Tuyết Dung	11/09/1999	LT27.2KN01				
18	0098	33201025262	Hoàng Thị Ngọc Dung	30/10/1995	VB23.2KN01				
19	0099	35221020960	Nguyễn Thị Phương Dung	25/04/2000	LT27.1KN05				
20	0100	35221020212	Nguyễn Thị Thu Dung	25/05/2000	LT27.1FT06				
21	0101	87223020045	Nguyễn Thị Vân Dung	28/7/1993	V122TP3KN1				
22	0102	35221020528	Nguyễn Thùy Dung	17/07/1999	LT27.1FT02				
23	0103	87233020005	Phạm Thị Thu Dung	22/03/2001	V123TP3KN1				
24	0104	35221020361	Trần Thị Dung	22/07/1993	LT27.1KN03				
25	0105	33191020460	Cao Lâm Anh Duy	18/04/1995	VB22.1MR01				
26	0106	35221020093	Đặng Khánh Duy	30/08/1996	LT27.1FN01				
27	0107	35221020090	Lê Đỗ Thế Duy	12/10/1999	LT27.1FT02				
28	0108	35221020893	Nguyễn Minh Duy	18/10/2001	LT27.1AD02				
29	0109	35211025299	Phạm Duy	18/12/1992	LT26.2NH01				
30	0110	86231480026	Bùi Thị Duyên	08/09/1997	CD23SIIAD2				
31	0111	33221020177	Lê Thị Mỹ Duyên	30/07/1994	VB25.1HR01				
32	0112	35221021192	Lê Thị Duyên	12/05/1994	LT27.1AD04				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-03 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214154

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0113	35221021010	Lê Thị Mỹ Duyên	05/05/2000	LT27.1KN06				
34	0114	35221020710	Mai Thị Kim Duyên	10/01/1999	LT27.1AD01				
35	0115	GLVB120203100	Nguyễn Thị Duyên	15/5/1988	V120GL3LDP				
36	0116	86231480005	Nguyễn Thị Kim Duyên	05/01/2001	CD23SI1AD1				
37	0117	35221020634	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	14/02/2000	LT27.1KN03				
38	0118	35211020505	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	24/01/2000	LT26.1AD01				
39	0119	35221021228	Phạm Cao Ngọc Duyên	27/01/2000	LT27.1MR02				
40	0120	86231980007	Phạm Thùy Duyên	05/07/2001	CD23CT1FN1				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-04 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214155

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0121	35211025193	Trịnh Hoàng Mỹ	Duyên	19/09/2000	LT26.2MR01				
2	0122	33181020498	Bùi Ngọc	Dũng	06/06/1989	VB21.1LA01				
3	0123	33221020230	Hồ Quốc	Dũng	17/10/1993	VB25.1LK01				
4	0124	33211025445	Nguyễn Thanh	Dũng	16/10/1984	VB24.2FN02				
5	0125	35221021020	Trịnh Quốc	Dũng	02/01/2001	LT27.1FT01				
6	0126	HCMVB120191111	Vũ Quốc	Dũng	29/4/1993	V119TP1QT1				
7	0127	33211025568	Bùi Đoàn Thùy	Dương	22/02/1997	VB24.2LK01				
8	0128	86231480027	Đỗ Thị Bình	Dương	23/10/1998	CD23SIIAD2				
9	0129	35211025569	Hồ Võ Thùy	Dương	07/02/2000	LT26.2MR01				
10	0130	35221021233	Lê Thị	Dương	08/12/1997	LT27.1KN04				
11	0131	35211020403	Lê Thị Thùy	Dương	10/01/1999	LT26.1FT04				
12	0132	HCMVB120213007	Nguyễn Duy	Dương	12/6/1997	V121TP3EC1				
13	0133	88221020252	Vũ Thị Ánh	Dương	12/04/1995	V122TP1KD1				
14	0134	88221020258	Vũ Trương Tùng	Dương	09/11/1999	V122TP1TC1				
15	0135	35221021140	Hoàng Phan Tâm	Đan	05/03/1996	LT27.1AD01				
16	0136	86231480028	Nguyễn Quế	Đan	04/05/1997	CD23SIIAD2				
17	0137	35221021193	Huỳnh Anh	Đài	24/12/1997	LT27.1IB03				
18	0138	HCMTC20193015	Tạ Ngọc Phương	Đài	14/10/1996	TC19TP3KT1				
19	0139	86221020042	Trần Thị Hồng	Đào	28/10/1994	CD22TP1KD1				
20	0140	35231020044	Tô Văn	Đại	14/01/2000	LT28.1IB01				
21	0141	35221020972	Bùi Đức	Đạt	24/02/2000	LT27.1AD04				
22	0142	33221025319	Bùi Lê Tấn	Đạt	12/12/1994	VB25.2FN01				
23	0143	HCMVB120212119	Huỳnh	Đạt	06/06/1998	V121TP2QT1				
24	0144	35221021402	Nguyễn Thành	Đạt	07/12/2000	LT27.1AD04				
25	0145	33211020178	Nguyễn Tiến	Đạt	10/12/1998	VB24.1AD01				
26	0146	33211020284	Phạm Thành	Đạt	14/08/1996	VB24.1FN02				
27	0147	35201020573	Tăng Thành	Đạt	17/09/1995	LT25.1MR01				
28	0148	HCMVB120212140	Đặng Hồng Minh	Đăng	05/02/1997	V121TP2QT1				
29	0149	33181020303	Phùng Nghĩa Hải	Đăng	18/11/1993	VB21.1AD01				
30	0150	35221025053	Trần Nguyễn Ánh	Đăng	06/12/1997	LT27.2KN02				
31	0151	35221025790	Bùi Thị	Điểm	18/10/2000	LT27.2IB02				
32	0152	35211025077	Trần Thị An	Đình	24/06/2000	LT26.2EE01				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-04 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214155

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0153	35211025469	Phan Long Định	10/03/2000	LT26.2AD01				
34	0154	33211020271	Nguyễn Minh Thục Đoan	29/05/1998	VB24.1MR01				
35	0155	35221020158	Nguyễn Thị Thành Đô	17/02/1997	LT27.1FT01				
36	0156	HCMVB120201056	Phạm Đình Đông	11/03/1996	V120TP1MA1				
37	0157	33201025205	Bùi Trung Đức	22/12/1993	VB23.2AD01				
38	0158	HCMCD20212163	Đỗ Ngọc Đức	12/8/1998	CD21TP2KD1				
39	0159	33211020475	Nguyễn Ngọc Đức	26/12/1996	VB24.1MR01				
40	0160	35211025171	Nguyễn Tấn Đức	19/11/1999	LT26.2NH01				
41	0161	35221020553	Nguyễn Thanh Đức	21/06/1996	LT27.1FT06				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023

- Phòng thi: BOX-05

- Giờ thi: 07g00

- Mã ca thi: 214156

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0162	HCMVB120184172	Trương Minh	Đức	22/5/1988	V118TP4QT1				
2	0163	33181020035	Trịnh Hoàng	Gia	22/12/1987	VB21.1AD01				
3	0164	35221025828	Dương Trương Thị Kiều	Giang	05/12/1995	LT27.2KN05				
4	0165	35221020487	Hoàng Nguyễn Trúc	Giang	03/03/1997	LT27.1IB01				
5	0166	35221021089	Lê Thị Hương	Giang	14/12/2001	LT27.1FT05				
6	0167	35221021128	Lê Thị Tuyền	Giang	09/04/2001	LT27.1FT01				
7	0168	35211020311	Nguyễn Phúc Châu	Giang	04/02/1998	LT26.1AD01				
8	0169	35221025456	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	24/09/2001	LT27.2IB01				
9	0170	35221020821	Nguyễn Trà	Giang	13/02/2001	LT27.1FT03				
10	0171	HCMCD20212059	Phạm Nguyễn Trà	Giang	22/6/1999	CD21TP2KD1				
11	0172	33201020453	Võ Uyên	Giang	01/07/1993	VB23.1FN01				
12	0173	33211020487	Trần Hữu	Giàu	03/06/1999	VB24.1FN02				
13	0174	35221021056	Võ Quang	Giàu	25/10/2001	LT27.1IB02				
14	0175	HCMVB120201145	Thái Quang	Giáp	06/7/1994	V120TP1KD1				
15	0176	GLVB120203014		H Ren	05/12/1987	V120GL3LDP				
16	0177	35221025617	Dương Thị Bích	Hà	04/04/2001	LT27.2AD04				
17	0178	35221020791	Đặng Thu	Hà	28/06/2001	LT27.1FT03				
18	0179	33191025369	Hoàng Việt	Hà	28/09/1997	VB22.2MR01				
19	0180	35221020284	Lê Thị Ngân	Hà	14/08/1998	LT27.1AD02				
20	0181	HCMCD20211137	Lê Thị Thu	Hà	09/5/1999	CD21TP1QT1				
21	0182	35221025571	Lưu Thị Thu	Hà	27/05/2001	LT27.2FT02				
22	0183	35221020256	Nguyễn Thái	Hà	14/01/2000	LT27.1AD01				
23	0184	35221020052	Nguyễn Thị Thu	Hà	14/09/1997	LT27.1KN05				
24	0185	35221025269	Phạm Thị Thu	Hà	06/10/2001	LT27.2IB01				
25	0186	35221020558	Trần Minh	Hà	05/10/1992	LT27.1KN01				
26	0187	33201020277	Trương Hoàng	Hà	03/02/1995	VB23.1FN01				
27	0188	35221025165	Trương Thị Nhật	Hà	05/10/1999	LT27.2KN05				
28	0189	HCMVB120184309	Văn Thy Minh	Hà	30/10/1999	V118TP4QT1				
29	0190	35221021348	Võ Thị Thu	Hà	16/06/2001	LT27.1FT05				
30	0191	35221020319	Lê Thị Thanh	Hải	28/12/1995	LT27.1KN06				
31	0192	33211025345	Lê Văn	Hải	15/08/1989	VB24.2AD01				
32	0193	33201025173	Nguyễn Trọng	Hải	11/11/1994	VB23.2LA01				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-05 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214156

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0194	35221020638	Phan Thị Kim Hải	20/04/1998	LT27.1KN05				
34	0195	35221020448	Bùi Lâm Tú Hào	26/07/2000	LT27.1FT05				
35	0196	87222020096	Đào Mỹ Hào	28/01/1996	V122TP2KD1				
36	0197	86231480029	Hồ Thị Hào	18/02/1998	CD23SIIAD2				
37	0198	35221025900	Lê Thị Ngọc Hào	07/11/2001	LT27.2KN02				
38	0199	35221021139	Lê Thị Như Hào	20/06/2000	LT27.1IB01				
39	0200	35221021202	Nguyễn Hoài Hào	25/06/1992	LT27.1KN06				
40	0201	33211020268	Nguyễn Thị Mỹ Hào	25/03/1995	VB24.1KN01				
41	0202	HCMCD20211064	Tiêu Cát Hào	20/6/1997	CD21TP1KD1				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-06 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214157

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0203	35221025310	Lê Như Hạ	24/08/2001	LT27.2FT01				
2	0204	HCMVB120211278	Bạch Thùy Mỹ	08/07/1991	V121TP1KD1				
3	0205	35221020084	Huỳnh Thị Ngọc	28/08/1991	LT27.1AD03				
4	0206	35221021166	Lê Thị Hạnh	13/10/1995	LT27.1AD01				
5	0207	HCMVB120202041	Nguyễn Thị Hồng	20/11/1996	V120TP2KD1				
6	0208	35211020234	Nguyễn Thị Mỹ	09/12/1999	LT26.1MR01				
7	0209	35221020416	Nguyễn Thị Mỹ	27/06/2001	LT27.1FT06				
8	0210	HCMVB120181258	Phạm Thị Mỹ	28/12/1986	V118TP1QT2				
9	0211	HCMTC20204022	Trịnh Thị Hạnh	16/02/2002	TC20TP4KT1				
10	0212	35221025088	Cao Thị Hằng	19/05/1986	LT27.2KN05				
11	0213	35221020775	Đậu Thị Thu	21/01/2001	LT27.1FT02				
12	0214	35221020415	Nguyễn Thúy Hằng	07/07/1999	LT27.1KN02				
13	0215	HCMVB120211036	Nông Thị Thanh	11/10/2000	V121TP1KT1				
14	0216	35221020223	Phan Thị Lệ Hằng	24/08/2000	LT27.1FT03				
15	0217	35221020550	Phan Thị Thanh	31/10/1999	LT27.1AD02				
16	0218	35221020523	Trần Hà Thanh	26/11/1999	LT27.1AD05				
17	0219	33211020448	Trịnh Kim Hằng	05/02/1994	VB24.1LA01				
18	0220	87222020043	Võ Thị Mỹ Hằng	14/06/1990	V122TP2KT1				
19	0221	HCMVB120202106	Cao Ngọc Hân	21/06/1997	V120TP2QT1				
20	0222	35221020909	Đoàn Gia Hân	23/09/2001	LT27.1IB03				
21	0223	35211020493	Hà Thị Hân	23/04/1996	LT26.1KN01				
22	0224	35221025276	Nguyễn Kim Hân	14/02/1996	LT27.2KN03				
23	0225	35221021135	Nguyễn Ngọc Mỹ Hân	21/10/2000	LT27.1FT02				
24	0226	35221020593	Nguyễn Thị Ngọc Hân	05/02/1998	LT27.1FN01				
25	0227	35221025485	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/01/2001	LT27.2IB01				
26	0228	HCMVB120213061	Phan Thục Hân	09/04/2000	V121TP3KT1				
27	0229	HCMVB120204194	Phạm Bảo Vy Hân	18/01/1983	V120TP4QT1				
28	0230	HCMTC20194042	Tô Gia Hân	14/07/1998	TC19TP4KD1				
29	0231	35221020945	Trần Gia Hân	26/12/2000	LT27.1MR03				
30	0232	35221021313	Trần Trúc Hân	31/10/2000	LT27.1IB02				
31	0233	HCMVB120211135	Dương Thị Thúy Hậu	16/4/2000	V121TP1TC1				
32	0234	87223020041	Nguyễn Thị Kim Hậu	20/7/1997	V122TP3KN1				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-06 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214157

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0235	35221020278	Phan Thị Hậu	06/08/1991	LT27.1KN05				
34	0236	35221021251	Trần Dương Phương Hậu	11/02/2001	LT27.1IB02				
35	0237	35221020178	Bùi Minh Hiền	24/08/1998	LT27.1KN01				
36	0238	86231480030	Cao Thị Thu Hiền	11/06/1997	CD23SIIAD2				
37	0239	35221021271	Hồ Thị Thu Hiền	06/03/1994	LT27.1KN05				
38	0240	HCMVB120193039	Lã Thị Thu Hiền	06/3/1992	V119TP3KT1				
39	0241	35211025507	Lê Thị Thu Hiền	13/03/1999	LT26.2FT03				
40	0242	35221021118	Lê Thị Thu Hiền	16/10/2001	LT27.1IB01				
41	0243	HCMCD20194034	Lương Minh Hiền	06/10/1989	CD19TP4KT1				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-07 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214158

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0244	35211020776	Nguyễn Thị Hiền	06/02/1993	LT26.1FN01				
2	0245	35221025541	Nguyễn Thu Hiền	20/10/1999	LT27.2KN05				
3	0246	33221020197	Nguyễn Vũ Thanh Hiền	19/12/1998	VB25.1FN01				
4	0247	35221021359	Phạm Nguyễn Thị Thảo Hiền	06/12/1999	LT27.1IB02				
5	0248	33211025515	Phạm Thị Thu Hiền	01/08/1990	VB24.2FN01				
6	0249	35211020250	Trần Thị Thu Hiền	09/05/1995	LT26.1AD01				
7	0250	35221025282	Vy Thị Hiền	09/04/2001	LT27.2IB01				
8	0251	35221020878	Lê Nguyễn Minh Hiền	20/05/2001	LT27.1AD02				
9	0252	35211020576	Lê Thị Hiếu	10/09/1993	LT26.1KN03				
10	0253	HCMVB120192097	Bùi Trung Hiếu	26/10/1990	V119TP2QT1				
11	0254	88222020019	Đỗ Thị Thu Hiếu	09/06/1999	V122TP2KT1				
12	0255	89214020041	Huỳnh Chí Hiếu	10/04/1995	V221TP4QT1				
13	0256	35221021000	Lưu Trung Hiếu	08/08/1997	LT27.1IB03				
14	0257	35201025160	Nguyễn Trọng Hiếu	20/09/1993	LT25.2AD01				
15	0258	HCMVB120211201	Nguyễn Trọng Hiếu	04/08/1995	V121TP1QT1				
16	0259	87223020335	Nguyễn Trung Hiếu	17/02/1989	V122TP3AD1				
17	0260	33191020345	Nguyễn Vĩnh Hiếu	08/04/1992	VB22.1AD01				
18	0261	35221025573	Trần Nguyễn Công Hiếu	06/06/2001	LT27.2AD02				
19	0262	89222020107	Lê Thị Ngọc Hiệp	14/04/1999	V222TP2TC1				
20	0263	33201025385	Nguyễn Trương Đức Hiệp	07/09/1994	VB23.2AD01				
21	0264	35221020317	Phạm Văn Hiệp	04/10/1992	LT27.1FN01				
22	0265	86231480007	Trần Thanh Hiệp	22/09/2001	CD23SI1AD1				
23	0266	HCMVB120213048	Đỗ Kim Huỳnh Hoa	07/4/2002	V121TP3KT1				
24	0267	87223020003	Huỳnh Thị Việt Hoa	19/7/1992	V122TP3KN1				
25	0268	35221020532	Lê Thị Hoa	13/09/2001	LT27.1FT02				
26	0269	35221020413	Lê Thị Hoan	10/02/1991	LT27.1FN01				
27	0270	35221021046	Lê Thị Bích Hoài	12/09/2000	LT27.1MR01				
28	0271	35221020937	Đỗ Thị Kim Hoàng	17/03/2000	LT27.1AD05				
29	0272	HCMVB120211165	Lê Bảo Hoàng	18/04/1999	V121TP1QT1				
30	0273	33201020212	Nguyễn Anh Hoàng	18/05/1993	VB23.1AD01				
31	0274	35221020591	Nguyễn Huy Hoàng	22/06/2000	LT27.1FN01				
32	0275	33221020025	Phạm Huy Hoàng	18/06/1999	VB25.1LK01				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-07 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214158

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0276	33201025330	Trần Hoàng	05/10/1989	VB23.2LA02				
34	0277	35221025423	Trần Thị Mỹ Hoàng	18/01/2001	LT27.2AD02				
35	0278	33211025512	Dương Ngọc Hòa	12/11/1979	VB24.2LK02				
36	0279	33211025287	Lê Nguyễn Nguyệt Hồ	08/02/1995	VB24.2FN02				
37	0280	87224020202	Hồ Diễm Hồng	06/11/2004	V122TP4AD1				
38	0281	35221020465	Lê Thị Hồng	08/09/1999	LT27.1KN03				
39	0282	35221020564	Nguyễn Thị Hồng	04/07/1996	LT27.1NH01				
40	0283	35221020120	Trần Thị Thu Hồng	10/09/1999	LT27.2FT02				
41	0284	33201025132	Trần Thị Hợi	02/05/1995	VB23.2FN02				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-08 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214159

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0285	33211020320	Bùi Thị Huệ	07/06/1993	VB24.1MR01				
2	0286	HCMVB120213017	Nguyễn Thị Kim Huệ	16/9/1994	V121TP3LD1				
3	0287	35231020242	Trần Kim Huệ	16/04/1999	LT28.1AD01				
4	0288	33211020489	Đào Hoàng Huy	28/10/1995	VB24.1AD01				
5	0289	86231480009	Huỳnh Đăng Huy	12/08/2000	CD23SIIAD1				
6	0290	35221020519	Huỳnh Hoàng Huy	29/11/1995	LT27.1AD02				
7	0291	33211025061	Nguyễn Đình Huy	01/03/1993	VB24.2KN01				
8	0292	88214020151	Nguyễn Khắc Huy	03/09/1992	V121TP4TC1				
9	0293	35221020666	Nguyễn Quốc Huy	11/07/1998	LT27.1AD02				
10	0294	35221020645	Phan Đức Huy	02/03/2000	LT27.1AD03				
11	0295	35221021071	Nguyễn Thị Thu Huyền	16/10/1995	LT27.1KN06				
12	0296	87222020417	Phan Thị Ngọc Huyền	02/03/1994	V122TP2KT1				
13	0297	88233020042	Trần Thị Mai Huyền	26/09/1995	V123TP3KN1				
14	0298	35221021101	Trần Thị Phương Huyền	02/01/1992	LT27.1KN06				
15	0299	33201025234	Hồ Lương Sữ Huỳnh	25/12/1992	VB23.2AD01				
16	0300	HCMVB220202063	Bùi Nguyễn Thanh Hùng	13/10/1992	V220TP2QT1				
17	0301	HCMVB120203071	Nguyễn Vĩnh Hưng	18/08/1996	V120TP3MA1				
18	0302	86221020108	Phan Quốc Hưng	29/8/1997	CD22TP1QT1				
19	0303	35221020718	Lê Thị Kim Hương	30/01/2001	LT27.1IB02				
20	0304	33211020243	Lê Thị Xuân Hương	06/05/1997	VB24.1LA01				
21	0305	HCMCD20203054	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hương	21/9/1997	CD20TP3KD1				
22	0306	35221021117	Nguyễn Thị Kim Hương	12/08/1994	LT27.1KN06				
23	0307	33221020428	Nguyễn Thị Ngọc Hương	28/01/1987	VB25.1LK01				
24	0308	35221025011	Nguyễn Thị Thanh Hương	03/10/2000	LT27.2KN04				
25	0309	87222020071	Nguyễn Thị Thanh Hương	30/8/1990	V122TP2KT1				
26	0310	35221021077	Nguyễn Thị Thu Hương	26/10/2001	LT27.1MR01				
27	0311	87221020014	Phan Thị Ngọc Hương	10/07/1998	V122TP1KT1				
28	0312	35221021001	Trần Thị Mỹ Hương	06/08/1999	LT27.1KN03				
29	0313	33211020005	Trương Thị Mỹ Hương	13/08/1992	VB24.1LA02				
30	0314	35221020018	Ngô Thị Thu Hường	12/01/1998	LT27.1MR03				
31	0315	35221020740	Võ Thị Hường	02/03/2001	LT27.1FT03				
32	0316	35221021234	Nguyễn Trường Ka	10/03/1999	LT27.1AD04				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-08 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214159

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0317	33211020417	Nguyễn Hoàng Khang	14/09/1997	VB24.1MR01				
34	0318	35211025201	Nguyễn Lê Hoàng Khang	14/03/2000	LT26.2FT01				
35	0319	HCMVB120204025	Phạm Bá Khang	20/08/1990	V120TP4KT1				
36	0320	35221020255	Nguyễn Duy Khanh	27/10/1998	LT27.1FN01				
37	0321	33201025290	Hồ Ngọc Thiên Khải	17/11/1993	VB23.2AD01				
38	0322	33201020463	Nguyễn Duy Khánh	29/06/1982	VB23.1KN01				
39	0323	35221025732	Vũ Xuân Khánh	23/12/1978	LT27.2AD02				
40	0324	HCMVB220194065	Lê Nguyễn Thế Khoa	25/09/1984	V219TP4LD1				
41	0325	HCMVB120194234	Nguyễn Anh Khoa	05/02/2001	V119TP4MA1				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-09 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214160

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0326	33201020149	Nguyễn Hằng	Khuyên	01/07/1996	VB23.1FN01				
2	0327	33211025487	Cao Diễm	Kiều	23/09/1995	VB24.2AD01				
3	0328	HCMVB120203073	Lê Thị	Kiều	20/11/1992	V120TP3MA1				
4	0329	87222020107	Lê Thị Thúy	Kiều	12/07/2000	V122TP2KD1				
5	0330	88214020030	Lục Hoàng A	Kiều	31/07/2003	V121TP4KT1				
6	0331	35211570008	Lê Tuấn	Kiệt	22/02/1996	LT26KSV_KN01				
7	0332	33221020043	Nguyễn Đoàn Thiên	Kim	10/02/1997	VB25.1IB01				
8	0333	35221025807	Lưu Thị	Lai	16/01/1993	LT27.2IB03				
9	0334	33221025447	Đoàn Thanh	Lam	05/07/1994	VB25.2FN01				
10	0335	35211020293	Nguyễn Thị	Lam	14/03/1993	LT26.1AD02				
11	0336	33211020477	Đào Thị Mỹ	Lan	26/05/1997	VB24.1LA02				
12	0337	HCMVB220204124	Huỳnh Ngọc	Lan	17/04/1996	V220TP4QT1				
13	0338	33211025119	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/06/1992	VB24.2AD01				
14	0339	HCMVB120191057	Nguyễn Thị Phương	Lan	12/9/1983	V119TP1KT1				
15	0340	HCMCD20211067	Trần Thị Hoàng	Lan	12/5/1999	CD21TP1KD1				
16	0341	87222020078	Trương Thị Hương	Lan	11/01/1991	V122TP2KT1				
17	0342	35221020566	Nguyễn Thị Ngọc	Lài	13/01/1989	LT27.1AD02				
18	0343	35221020038	Nguyễn Thị Bích	Lành	14/01/2000	LT27.1NH01				
19	0344	35211020706	Nguyễn Thị Thúy	Lành	10/01/1998	LT26.1FT02				
20	0345	35221021200	Nguyễn Thị Xuân	Lành	14/12/2000	LT27.1IB02				
21	0346	88214020072	Hàng Hải	Lăng	01/09/1996	V121TP4MA1				
22	0347	35221021401	Đào Xí	Lâm	19/12/2001	LT27.1IB02				
23	0348	33181020485	Nguyễn Kim	Lâm	18/12/1968	VB21.1LA01				
24	0349	89222020097	Phạm Tùng	Lâm	20/9/1997	V222TP2TC1				
25	0350	35221020431	Đỗ Thị Mỹ	Lệ	27/10/2000	LT27.1FT04				
26	0351	35221020322	Nguyễn Thị Kim	Liên	07/03/1990	LT27.1KN02				
27	0352	35221020617	Phan Thị Kim	Liên	18/05/1990	LT27.1KN01				
28	0353	35221020377	Trần Thị Kim	Liên	28/03/2000	LT27.1FT06				
29	0354	35221020471	Hồ Thị Bích	Liều	09/12/1978	LT27.1KN02				
30	0355	86231480011	Trần Thị Thúy	Liều	24/02/1997	CD23SIIAD1				
31	0356	35221025750	Bùi Thị Mỹ	Linh	16/01/1997	LT27.2FT02				
32	0357	HCMVB120194028	Dương Thị	Linh	20/01/2000	V119TP4KT1				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-09 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214160

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0358	35221020167	Hồ Thị Mỹ Linh	15/08/2000	LT27.1KN01				
34	0359	35221020787	Huỳnh Thị Trúc Linh	16/03/1996	LT27.1AD03				
35	0360	35221025894	Lê Thị Duyên Linh	04/08/2001	LT27.2KN02				
36	0361	86231480012	Nguyễn Anh Trúc Linh	03/04/2001	CD23SIIAD1				
37	0362	HCMVB120204174	Nguyễn Chế Linh	21/9/1993	V120TP4QT1				
38	0363	33211020088	Nguyễn Dương Nhật Linh	16/01/1997	VB24.1MR01				
39	0364	87223020039	Nguyễn Khánh Linh	30/8/1997	V122TP3KN1				
40	0365	35221020057	Nguyễn Mai Linh	22/04/2000	LT27.1KN01				
41	0366	33211020264	Nguyễn Ngọc Linh	02/01/1993	VB24.1AD01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-10 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214161

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0367	35221020770	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	25/07/2000	LT27.1AD02				
2	0368	35221021210	Nguyễn Phương Di	Linh	05/02/2000	LT27.1AD05				
3	0369	HCMTC20181004	Nguyễn Thị Diễm	Linh	06/6/1991	TC18TP1KT1				
4	0370	35221025829	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	26/03/1995	LT27.2KN05				
5	0371	35211020705	Nguyễn Thị Thúy	Linh	01/07/1995	LT26.1KN03				
6	0372	33201025398	Nguyễn Thùy	Linh	12/10/1990	VB23.2KN01				
7	0373	35211020150	Nguyễn Thùy	Linh	22/02/1999	LT26.1MR01				
8	0374	33201025376	Nguyễn Trần Tuyết	Linh	16/01/1997	VB23.2KN01				
9	0375	35211025324	Tổng Hoài Phương	Linh	19/11/1998	LT26.2MR01				
10	0376	35221020119	Tổng Mỹ	Linh	31/08/2000	LT27.1IB03				
11	0377	35221020572	Trương Huyền	Linh	10/10/2000	LT27.1FT02				
12	0378	35211020154	Vân Thị Ngọc	Linh	08/11/1999	LT26.1KN03				
13	0379	35221020334	Hồ Thị Kim	Loan	06/04/1999	LT27.1FT04				
14	0380	35231022364	La Thị Hồng	Loan	25/01/2001	LT28.2IB03				
15	0381	35211020083	Ngô Thị	Loan	06/03/1999	LT26.1AD01				
16	0382	35221020378	Nguyễn Thị Kiều	Loan	14/01/2000	LT27.1MR03				
17	0383	35221020569	Trần Thị Kim	Loan	01/07/1993	LT27.1FT05				
18	0384	87224020022	Trần Thị Kim	Loan	22/10/1999	V122TP4KN1				
19	0385	35221020470	Bùi Quốc Thiện Thanh	Long	20/03/1998	LT27.1AD01				
20	0386	33211020164	Võ Nhật	Long	15/09/1997	VB24.1AD01				
21	0387	35221025517	Lâm Tiến	Lộc	27/05/2001	LT27.2FT01				
22	0388	35221021369	Đậu Thị	Lộc	15/05/2000	LT27.1FT02				
23	0389	33201025323	Ngô Minh	Lộc	06/09/1994	VB23.2AD01				
24	0390	33211025199	Nguyễn Phước	Lợi	17/08/1996	VB24.2AD01				
25	0391	35231020214	Nguyễn Xuân	Lợi	27/07/2000	LT28.1AD01				
26	0392	35211020719	Tô Phước	Lợi	19/06/1994	LT26.1NH01				
27	0393	HCMVB120212195	Nguyễn Vũ	Luân	14/10/1988	V121TP2TC1				
28	0394	33211020260	Phạm An	Luân	03/05/1995	VB24.1AD01				
29	0395	35221020683	Nguyễn Thị	Luyến	26/02/2001	LT27.1FT02				
30	0396	35211025105	Đỗ Thị Huyền	Lương	20/09/1999	LT26.2FT01				
31	0397	87222020174	Ngô Minh	Lượng	20/06/1999	V122TP2MA1				
32	0398	HCMCD20212104	Trương Viết	Lượng	08/4/1994	CD21TP2QT1				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-10 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214161

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0399	35221021091	Lê Hồ Trúc Ly	07/05/2001	LT27.1FT03				
34	0400	35211020199	Nguyễn Khánh Ly	13/09/2000	LT26.1AD01				
35	0401	35221021144	Nguyễn Thị Trúc Ly	09/10/1991	LT27.1KN01				
36	0402	35211025260	Trần Thị Khánh Ly	06/12/1996	LT26.2AD01				
37	0403	35221021272	Vũ Hoàng Cẩm Ly	17/10/2001	LT27.1MR03				
38	0404	35221020942	Phạm Thị Lý	17/12/2001	LT27.1AD01				
39	0405	33201025085	Thái Thanh Thiên Lý	21/05/1992	VB23.2KN01				
40	0406	35221021142	Trần Thị Lý	29/08/1998	LT27.1FT04				
41	0407	35221020924	Nguyễn Thanh Mai	13/02/2001	LT27.1FT04				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-11 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214162

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0408	35231020019	Nguyễn Thị Mai	24/02/1996	LT28.1AD01				
2	0409	35221020761	Phạm Thị Tuyết Mai	10/09/2000	LT27.1FT02				
3	0410	33211025410	Trần Ngọc Mai	13/08/1987	VB24.2LK01				
4	0411	35221020621	Lê Đức Mạnh	16/12/1989	LT27.1NH01				
5	0412	87224020001	Hà Gia Mẫn	19/12/1996	V122TP4KN1				
6	0413	33221020203	Lê Ngọc Mẫn	10/10/1993	VB25.1LK02				
7	0414	35221020957	Phan Thị Diễm Mi	18/04/1999	LT27.1AD04				
8	0415	33221020524	Bùi Thị Kiều Minh	15/08/1988	VB25.1LK01				
9	0416	HCMVB120213161	Cổ Năng Minh	05/09/1996	V121TP3QT1				
10	0417	35221020780	Hoàng Nhật Minh	22/12/2001	LT27.1IB02				
11	0418	35201025414	Nguyễn Bảo Minh	11/12/2000	LT25.2MR01				
12	0419	35221025830	Nguyễn Hoàng Minh	11/06/2000	LT27.2NH01				
13	0420	35221025197	Nguyễn Hoàng Anh Minh	26/09/2001	LT27.2NH01				
14	0421	35221025023	Nguyễn Hùng Minh	05/03/1990	LT27.2AD02				
15	0422	35221025624	Nguyễn Tiến Minh	17/11/2001	LT27.2AD03				
16	0423	35221020964	Nguyễn Trần Nhật Minh	06/10/2001	LT27.1FT02				
17	0424	33211025163	Nguyễn Văn Minh	20/08/1989	VB24.2LK01				
18	0425	35221021325	Thái Bá Minh	25/12/1993	LT27.1AD03				
19	0426	33211020087	Triệu Đức Minh	23/01/1993	VB24.1LA02				
20	0427	HCMVB120202213	Triệu Ngọc Bình Minh	7/12/1999	V120TP2LD1				
21	0428	35221025388	Ngân Vishindas Mirpuri	10/09/2001	LT27.2IB01				
22	0429	HCMVB120204041	Phùng Phú Mùi	12/04/1995	V120TP4KD1				
23	0430	HCMCD20203041	Đặng Thị Diễm My	04/9/1998	CD20TP3KT1				
24	0431	35221020974	Huỳnh Thị Trúc My	27/09/1997	LT27.1AD05				
25	0432	35221021232	Lê Huyền My	23/10/2001	LT27.1FT05				
26	0433	35221021223	Lê Thanh Thảo My	12/12/2001	LT27.1FT01				
27	0434	33211020359	Nguyễn Ngọc Kiều My	21/01/1996	VB24.1AD01				
28	0435	33221025265	Nguyễn Thị Diễm My	03/02/1984	VB25.2MR01				
29	0436	35221021205	Nguyễn Thị Diễm My	19/10/2001	LT27.1AD01				
30	0437	35221020451	Nguyễn Thị Hà My	30/09/2001	LT27.1FT06				
31	0438	HCMVB120202014	Phan Thị Diễm My	30/10/2001	V120TP2KT1				
32	0439	35221020506	Trần Ngọc Anh My	02/10/1988	LT27.1KN06				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-11 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214162

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0440	35221020245	Trần Nữ Trà My	26/03/1993	LT27.1FN01				
34	0441	35221021083	Trần Thị Tiểu My	17/02/1997	LT27.1FT03				
35	0442	33201025324	Trần Thị Trà My	22/12/1987	VB23.2MR01				
36	0443	35221021266	Võ Phạm Trà My	22/05/2000	LT27.1MR02				
37	0444	35221020459	Dương Thị Thu Mỹ	01/06/1994	LT27.1FN01				
38	0445	35221021170	Huỳnh Thị Ly Na	02/02/1998	LT27.1FT01				
39	0446	33221020292	Bùi Xuân Nam	03/12/1989	VB25.1MR01				
40	0447	33211025247	Đặng Hoài Nam	27/03/1997	VB24.2LK01				
41	0448	33211020288	Hạp Thị Nam	27/03/1998	VB24.1IB01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-12 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214163

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0449	33191020347	Lê Hải Nam	14/09/1993	VB22.1AD01				
2	0450	33191025028	Mai Châu Hoàng Nam	03/01/1995	VB22.2KN01				
3	0451	35211020695	Ngô Trần Phương Nam	24/02/1993	LT26.1KN03				
4	0452	33191025252	Nguyễn Hoàng Nam	05/05/1995	VB22.2FN01				
5	0453	33211020106	Nguyễn Trần Hoàng Nam	26/10/1996	VB24.1MR01				
6	0454	33201020493	Phan Thanh Nam	04/03/1996	VB23.1KN01				
7	0455	35221020282	Trần Kỳ Nam	26/03/1999	LT27.1AD01				
8	0456	35221020562	Đỗ Thị Nga	10/09/2000	LT27.1IB03				
9	0457	33211025071	Nguyễn Thị Thanh Nga	12/04/1990	VB24.2KN02				
10	0458	35221021320	Vũ Thị Liên Nga	02/10/1998	LT27.1IB03				
11	0459	HCMVB120194059	Đặng Kim Ngân	08/11/1997	V119TP4NL1				
12	0460	33221020268	Đặng Trần Kim Ngân	19/09/1988	VB25.1KN01				
13	0461	35221025467	Đỗ Thùy Kim Ngân	04/10/2001	LT27.2KN03				
14	0462	35211570011	Huỳnh Thị Kim Ngân	13/07/1988	LT26KSV_KN01				
15	0463	35201020229	Huỳnh Thị Mỹ Ngân	12/03/1992	LT25.1FN01				
16	0464	88222020300	Lê Thị Kim Ngân	06/07/2001	V122TP2HR1				
17	0465	35221021336	Nguyễn Bảo Ngân	05/03/1999	LT27.1FT01				
18	0466	35221020684	Nguyễn Kim Ngân	30/01/1999	LT27.1KN05				
19	0467	35221020881	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	02/06/2001	LT27.1MR03				
20	0468	35221020713	Nguyễn Phạm Thùy Ngân	17/01/2001	LT27.1IB01				
21	0469	35231020257	Nguyễn Thị Ngân	21/03/1992	LT28.1AD01				
22	0470	35211025187	Nguyễn Thị Kim Ngân	27/02/2000	LT26.2FT01				
23	0471	HCMVB220182008	Nguyễn Thị Phương Ngân	31/3/1994	V218TP2LD1				
24	0472	35211020708	Nguyễn Thị Trúc Ngân	04/05/1998	LT26.1KN01				
25	0473	35221020693	Nguyễn Trần Thu Ngân	22/09/2001	LT27.1FT04				
26	0474	35231022187	Nguyễn Xuân Kim Ngân	13/12/1997	LT28.2KN01				
27	0475	35221020891	Phan Thị Ngân	07/11/2000	LT27.1FT06				
28	0476	35221020419	Trần Thúy Ngân	16/08/1993	LT27.1FN01				
29	0477	35221020151	Trần Hiếu Ngân	20/12/2000	LT27.1MR03				
30	0478	35211025568	Trần Thị Ái Ngân	15/02/2000	LT26.2MR01				
31	0479	35221025248	Trần Thị Kim Ngân	13/01/2000	LT27.2IB01				
32	0480	35221025823	Trần Thị Kim Ngân	27/03/1999	LT27.2KN02				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-12 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214163

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0481	35211020512	Trần Thị Thanh Ngân	15/10/1997	LT26.1KN01				
34	0482	35221021037	Trần Thị Thanh Ngân	21/12/2000	LT27.1AD03				
35	0483	35211025312	Dương Minh Ngọc	18/08/2000	LT26.2IB01				
36	0484	35211025007	Đinh Hiền Thảo Ngọc	28/12/1998	LT26.2AD01				
37	0485	35221025713	Đoàn Hồng Ngọc	08/10/2001	LT27.2FN01				
38	0486	35221020785	Lê Như Bích Ngọc	22/06/2001	LT27.1AD02				
39	0487	35211025373	Nguyễn Hồng Ngọc	14/04/2000	LT26.2FT01				
40	0488	35221025438	Nguyễn Kim Ngọc	08/10/1987	LT27.2AD01				
41	0489	35221025066	Nguyễn Thị Bích Ngọc	05/01/1995	LT27.2KN01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-13 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214164

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0490	35221020833	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	06/10/1992	LT27.1KN05				
2	0491	35221025821	Nguyễn Thị Như	Ngọc	28/07/2000	LT27.2KN05				
3	0492	35221025473	Nguyễn Trần Bảo	Ngọc	28/10/2001	LT27.2KN04				
4	0493	87221020022	Phạm Như	Ngọc	29/01/2000	V122TP1KT1				
5	0494	87222020050	Phạm Thị Bích	Ngọc	15/6/1998	V122TP2KT1				
6	0495	35221020079	Trần Bạch Như	Ngọc	26/10/2000	LT27.1FT01				
7	0496	35211020374	Trần Hồng	Ngọc	24/11/1998	LT26.1KN03				
8	0497	35221021246	Trần Thị Như	Ngọc	01/08/1991	LT27.1AD01				
9	0498	35221020804	Võ Thị Như	Ngọc	10/08/1995	LT27.1FN01				
10	0499	85214020011	Vũ Thị	Ngọc	02/09/1993	TC21TP4KD1				
11	0500	35201025284	Vũ Thị Yến	Ngọc	28/09/1993	LT25.2FN01				
12	0501	35221020579	Châu Nguyễn Thị Hồng	Nguyên	22/10/2000	LT27.1FT01				
13	0502	87222020097	Lê Hữu	Nguyên	22/08/1996	V122TP2KD1				
14	0503	HCMVB120202080	Nguyễn Châu	Nguyên	22/04/1999	V120TP2MA1				
15	0504	HCMVB120211307	Nguyễn Dương Ngọc	Nguyên	28/10/1998	V121TP1QT1				
16	0505	35221020931	Nguyễn Thị Hương	Nguyên	08/07/1992	LT27.1KN01				
17	0506	HCMVB120213076	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	19/03/1994	V121TP3KD1				
18	0507	35221020024	Nguyễn Xuân	Nguyên	07/12/2000	LT27.1AD02				
19	0508	35221020219	Dương Thị	Nguyệt	18/12/1998	LT27.1AD02				
20	0509	35221025057	Hà Thị	Nguyệt	12/10/2000	LT27.2FT02				
21	0510	35221020140	Hà Thị Ánh	Nguyệt	20/07/1999	LT27.1KN01				
22	0511	33221020319	Ngô Thị Băng	Nguyệt	05/11/1995	VB25.1KN01				
23	0512	35201025312	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	15/10/1997	LT25.2KN01				
24	0513	35221020475	Ninh Thị	Nguyệt	22/09/2000	LT27.1AD04				
25	0514	35211025381	Phan Minh	Nguyệt	30/05/2000	LT26.2FT01				
26	0515	35201020138	Trần Thị Cẩm	Nha	06/12/1996	LT25.1AD02				
27	0516	35211020400	Hoàng Thị	Nhân	17/12/1998	LT26.1FT04				
28	0517	86231480032	Bùi Quốc	Nhã	08/11/1997	CD23SIIAD2				
29	0518	35221025391	Võ Thanh	Nhã	16/10/1996	LT27.2AD01				
30	0519	HCMVB120182114	Nguyễn Thanh	Nhận	20/5/1993	V119TP2QT1				
31	0520	33221020487	Đỗ Thị Mỹ	Nhân	30/05/1999	VB25.1HR01				
32	0521	33211020021	Nguyễn Ngọc	Nhân	26/09/1996	VB24.1MR01				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-13 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214164

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0522	35211025268	Nguyễn Tấn Nhân	12/07/1991	LT26.2AD01				
34	0523	35221021341	Trần Thị Ái Nhân	21/07/2000	LT27.1KN01				
35	0524	35221020639	Cao Quách Quyển Nhi	06/12/1997	LT27.1IB01				
36	0525	35221021242	Cao Thị Tuyết Nhi	23/11/2000	LT27.1FN01				
37	0526	35211022005	Châu Hồng Nhi	22/06/1999	LT26.1AD01				
38	0527	35221021187	Đặng Yến Nhi	31/10/1998	LT27.1FT05				
39	0528	35221025283	Đỗ Ái Nhi	14/03/1998	LT27.2IB01				
40	0529	33211025477	Hoàng Tú Nhi	15/07/1997	VB24.2KN01				
41	0530	87233020003	Hồ Thị Tuyết Nhi	24/04/2001	V123TP3KN1				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-14 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214165

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0531	35221025355	Hồ Thị Yến Nhi	03/12/2001	LT27.2KN05				
2	0532	35231020136	Huỳnh Thiên Nhi	02/11/2001	LT28.1AD01				
3	0533	35221020237	Huỳnh Thị Yến Nhi	20/06/1993	LT27.1FT04				
4	0534	35221020715	Lê Hồng Nhi	15/06/2001	LT27.1FT02				
5	0535	35221020424	Lê Thị Bích Nhi	04/04/1997	LT27.1AD05				
6	0536	35221021207	Lê Thị Hoàng Nhi	24/03/1998	LT27.1KN06				
7	0537	35221020281	Lê Thị Yến Nhi	30/07/1999	LT27.1KN06				
8	0538	HCMVB120192098	Lê Thị Ý Nhi	20/3/1996	V119TP2QT1				
9	0539	35221020741	Nguyễn Lê Mẫn Nhi	14/05/2000	LT27.1IB03				
10	0540	35221020682	Nguyễn Thanh Kim Nhi	17/04/2001	LT27.1FT02				
11	0541	35221020859	Nguyễn Thị Lan Nhi	16/02/2000	LT27.1IB01				
12	0542	35221020723	Nguyễn Thụy Hoàng Nhi	17/09/2001	LT27.1FT01				
13	0543	33221020398	Nguyễn Vũ Thảo Nhi	27/02/1998	VB25.1LK01				
14	0544	35221020597	Phan Thị Mỹ Nhi	29/04/2001	LT27.1FT04				
15	0545	35221025591	Phạm Kim Ý Nhi	20/01/1998	LT27.2IB02				
16	0546	35221020458	Phạm Nguyễn Phương Nhi	05/09/1998	LT27.1FT05				
17	0547	35221020156	Phùng Tuyết Nhi	27/09/2000	LT27.1KN03				
18	0548	35221020888	Trần Bình Thảo Nhi	01/05/2000	LT27.1MR02				
19	0549	35221021284	Trần Hằng Nhi	14/10/1999	LT27.1HQ01				
20	0550	33211020378	Trần Thị Yến Nhi	21/01/1995	VB24.1FN02				
21	0551	33201020119	Võ Thế Anh Nhi	24/10/1995	VB23.1FN01				
22	0552	35221020652	Võ Thiên Nhi	28/08/1996	LT27.1AD03				
23	0553	86221020081	Võ Thị Huỳnh Nhi	03/11/1994	CD22TP1MA1				
24	0554	35221020404	Đinh Thị Hồng Nhung	22/08/1998	LT27.1KN01				
25	0555	35221020996	Kiều Hồng Nhung	17/02/1995	LT27.1FT06				
26	0556	35221020320	Nguyễn Thị Nhung	15/09/1989	LT27.1KN05				
27	0557	35221020472	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	05/08/1991	LT27.1AD01				
28	0558	35221020356	Ninh Thị Nhung	10/09/1999	LT27.1KN03				
29	0559	HCMCD20204101	Tống Thị Nhung	06/6/1992	CD20TP4TC1				
30	0560	33211025471	Trương Thị Thanh Nhung	01/12/1990	VB24.2LK01				
31	0561	35221020222	Dương Tâm Như	19/04/2000	LT27.1FT03				
32	0562	88214020079	Dương Thị Quỳnh Như	01/5/1997	V121TP4MA1				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-14 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214165

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0563	35221020664	Hồ Quỳnh Như	10/08/2001	LT27.1IB02				
34	0564	33221020172	Huỳnh Như	16/05/1993	VB25.1KN01				
35	0565	35221021148	Huỳnh Như	05/05/1998	LT27.1FT06				
36	0566	35211025308	Kiều Thị Trúc Như	18/01/1999	LT26.2AD01				
37	0567	35221021137	Lê Thị Huỳnh Như	28/08/2000	LT27.1AD05				
38	0568	35221020767	Nguyễn Thị Huỳnh Như	15/05/2000	LT27.1MR01				
39	0569	35221020062	Nguyễn Thị Quỳnh Như	23/04/2000	LT27.1AD02				
40	0570	35221020835	Nguyễn Thị Quỳnh Như	02/05/1991	LT27.1NH01				
41	0571	35231020139	Nguyễn Thị Yến Như	22/07/2001	LT28.1AD01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-15 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214166

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0572	35221020049	Phạm Ngọc	Như	20/05/1999	LT27.1AD03				
2	0573	35221020865	Phạm Thị Ái	Như	28/01/1999	LT27.1KN01				
3	0574	35201020456	Phạm Thị Huỳnh	Như	02/11/1997	LT25.1KN01				
4	0575	35221021326	Trần Lê Quỳnh	Như	15/08/1999	LT27.1AD05				
5	0576	87224020018	Trần Thị Huỳnh	Như	14/7/2001	V122TP4KN1				
6	0577	HCMCD20211009	Trần Thị Thảo	Như	16/8/1999	CD21TP1KT1				
7	0578	HCMVB122016003 0	Vũ Huỳnh Uyên	Như	14/9/1998	BD414				
8	0579	87224020068	Lê Thị Kim	Nở	24/02/1993	V122TP4IB1				
9	0580	86221020021	Nguyễn Thị Việt	Nữ	25/5/1991	CD22TP1KT1				
10	0581	HCMVB220212015	Tăng Ngọc	Nữ	21/07/1989	V221TP2KT1				
11	0582	87224020012	Trịnh Ái	Nữ	26/4/1993	V122TP4KN1				
12	0583	35221025196	Nguyễn Thị Hằng	Ny	01/01/1998	LT27.2IB01				
13	0584	33201025365	Bùi Thị Kim	Oanh	29/07/1997	VB23.2KN01				
14	0585	35221020010	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/04/2000	LT27.1AD04				
15	0586	35221020269	Trương Phan Hoàng	Oanh	12/03/1998	LT27.1KN05				
16	0587	HCMVB120204327	Bùi Thị Hồng	Oánh	20/08/2000	V120TP4MA1				
17	0588	HCMCD20212071	Bùi Thuận	Phát	05/5/1999	CD21TP2KD1				
18	0589	33201020454	Dương Xuân Tiến	Phát	23/04/1996	VB23.1KN01				
19	0590	35221020673	Đỗ Tấn	Phát	15/07/2001	LT27.1AD01				
20	0591	33211025282	Trần Chấn	Phát	20/10/1995	VB24.2FN01				
21	0592	35221020739	Nguyễn Thị Ngọc	Phận	31/03/1988	LT27.1AD05				
22	0593	35221025271	Châu Ngọc	Phen	10/01/1999	LT27.2KN02				
23	0594	HCMVB220212150	Bùi Tấn	Phê	02/09/1985	V221TP2LD1				
24	0595	33211029003	Võ Trọng	Phi	06/02/1993	VB24.2KN01				
25	0596	35211020543	Lâm Sơn	Phong	27/02/1990	LT26.1AD02				
26	0597	35221020430	Nguyễn Thanh	Phong	03/12/1995	LT27.1FT04				
27	0598	HCMCD20211071	Phạm Phú	Phong	04/02/1998	CD21TP1KD1				
28	0599	35211025006	Trần Ngọc	Phú	02/12/1999	LT26.2FT02				
29	0600	35211020037	Liên	Phúc	01/03/1997	LT26.1FT04				
30	0601	35211020113	Tô Thị	Phúc	23/02/1997	LT26.1AD01				
31	0602	35211020443	Bùi Kim	Phụng	16/02/1998	LT26.1KN02				
32	0603	33201025253	Lý Diễm	Phụng	17/09/1996	VB23.2KN01				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-15 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214166

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0604	87222020040	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	01/12/1994	V122TP2KT1				
34	0605	35221020586	Thái Ngọc Phụng	13/03/1993	LT27.1KN04				
35	0606	35231020049	Trần Chu Long Phụng	05/02/1992	LT28.1AD01				
36	0607	35221020089	Hà Thị Phương	01/04/2000	LT27.1HQ01				
37	0608	35211025023	Đoàn Thị Phương	11/03/1999	LT26.2FT01				
38	0609	HCMVB120203028	Hồ Linh Trúc Phương	12/07/1993	V120TP3KT1				
39	0610	35221020358	Hồ Thị Ngọc Phương	06/11/1998	LT27.1KN03				
40	0611	35211025595	Lương Thái Thị Phương	01/09/1995	LT26.2KN02				
41	0612	88214020033	Lưu Nguyễn Hồng Phương	21/10/2003	V121TP4KT1				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023

- Phòng thi: BOX-16

- Giờ thi: 07g00

- Mã ca thi: 214167

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0613	33221020066	Mai Phương	11/11/1993	VB25.1KN01				
2	0614	33201025210	Nguyễn Ngọc Phương	28/05/1990	VB23.2FN01				
3	0615	35211020623	Nguyễn Nguyên Phương	20/10/2000	LT26.1FT02				
4	0616	35221020331	Nguyễn Phạm Ánh Phương	25/10/2000	LT27.1FT01				
5	0617	35221020802	Nguyễn Thị Phương	19/05/1993	LT27.1AD02				
6	0618	35221020111	Nguyễn Thị Hà Phương	26/06/1995	LT27.1FN01				
7	0619	35221020753	Nguyễn Thị Hồng Phương	08/07/2001	LT27.1IB01				
8	0620	35221025284	Nguyễn Trúc Phương	19/07/2001	LT27.2FT02				
9	0621	35221020745	Phạm Thị Phương	25/04/2001	LT27.1IB01				
10	0622	35221020118	Trần Lê Thị Phương	18/08/1999	LT27.1KN01				
11	0623	33201025411	Trần Mai Phương	08/02/1995	VB23.2AD01				
12	0624	86221020005	Trần Thị Thanh Phương	14/02/1990	CD22TP1EC1				
13	0625	HCAVB220192061	Trần Vũ Hoài Phương	01/16/1980	V219CB2LDP				
14	0626	35221020776	Võ Nguyễn Uyên Phương	24/02/2001	LT27.1IB02				
15	0627	33211025511	Vũ Thị Hoài Phương	24/05/1995	VB24.2LK01				
16	0628	35221020855	Trần Ngọc Phước	15/12/2000	LT27.1FT02				
17	0629	35221020981	Bùi Thị Như Phước	04/04/1993	LT27.1NH01				
18	0630	35221020548	Lê Thị Phước	11/10/2000	LT27.1IB02				
19	0631	35221020447	Nguyễn Thị Phước	20/04/1993	LT27.1KN05				
20	0632	35211020210	Nguyễn Thị Bích Phước	05/11/1996	LT26.1KN03				
21	0633	35221020443	Nguyễn Thị Bích Phước	16/06/1989	LT27.1HQ01				
22	0634	35221020699	Nguyễn Thị Hồng Phước	22/09/1998	LT27.1MR03				
23	0635	35221020763	Trương Thị Bích Phước	06/11/2001	LT27.1FT04				
24	0636	35221021217	Nguyễn Hoàng Quân	10/11/1990	LT27.1IB02				
25	0637	33181025144	Phạm Trần Hoàng Quân	10/12/1996	VB22.1FT01				
26	0638	33201025288	Nguyễn Cảnh Quế	01/04/1997	VB23.2AD01				
27	0639	35221020063	Ngô Minh Qui	03/08/2000	LT27.1AD03				
28	0640	35211025202	Trần Ngọc Quí	20/07/2000	LT26.2IB01				
29	0641	HCMVB120203193	Nguyễn Kiều Tố Quyên	10/08/1998	V120TP3QT1				
30	0642	35221020732	Nguyễn Thị Quyên	19/03/2000	LT27.1FT06				
31	0643	35221020610	Nguyễn Thị Tố Quyên	01/01/2001	LT27.1FT05				
32	0644	35211020007	Phạm Thị Quyên	19/12/1999	LT26.1AD01				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-16 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214167

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0645	35211025535	Thái Thị Kim Quyên	15/08/2000	LT26.2EE01				
34	0646	35221021124	Trần Mỹ Quyên	12/09/1994	LT27.1KN06				
35	0647	35221021273	Trần Ngọc Quyên	10/08/1992	LT27.1FT04				
36	0648	HCMVB220194070	Trần Thục Quyên	04/12/1992	V219TP4LD1				
37	0649	35211025378	Trương Kim Quyên	02/05/1998	LT26.2KN02				
38	0650	35221020910	Đặng Như Quỳnh	20/05/1999	LT27.1KN02				
39	0651	86231480016	Hồ Vũ Mai Quỳnh	02/11/1997	CD23SIIAD1				
40	0652	35221020998	Lê Phương Quỳnh	08/02/2000	LT27.1FT05				
41	0653	35211025584	Lê Thị Như Quỳnh	04/12/2000	LT26.2FT02				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-17 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214168

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0654	33221025106	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	03/02/1977	VB25.2KN01				
2	0655	35221020240	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	01/08/1996	LT27.1FT06				
3	0656	35211020482	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	24/04/1998	LT26.1FT02				
4	0657	33211020409	Nguyễn Vương Hạ	Quỳnh	07/05/1996	VB24.1NS01				
5	0658	35221020644	Trần Thị Như	Quỳnh	07/12/2000	LT27.1FT05				
6	0659	HCMVB120204242	Trịnh Phương	Quỳnh	09/01/1998	V120TP4TC1				
7	0660	35211025152	Nguyễn Hữu	Quý	15/03/1996	LT26.2FT01				
8	0661	33211020171	Nguyễn Thị	Quý	03/09/1993	VB24.1NS01				
9	0662	GLVB120203091	I	Ron	12/8/2002	V120GL3LDP				
10	0663	89222020071	Cao Giang	Sang	23/11/1992	V222TP2TC1				
11	0664	33211025381	Đỗ Hoàng	Sang	28/01/1999	VB24.2NH01				
12	0665	33211020360	Lưu Minh	Sang	14/05/1996	VB24.1AD01				
13	0666	87221020029	Trần Thị	Sang	07/02/1998	V122TP1KT1				
14	0667	35221021264	Huỳnh Thị Hiếu	Sinh	02/03/1998	LT27.1KN03				
15	0668	35221020604	Trần Thị Thúy	Sinh	13/08/1998	LT27.1KN06				
16	0669	35221020003	Bùi Kim	Son	12/09/1998	LT27.1AD02				
17	0670	33211020413	Đào Nguyễn Hồng	Son	18/08/1999	VB24.1IB01				
18	0671	35221025609	Huỳnh Thế	Son	09/10/2001	LT27.2AD02				
19	0672	HCMVB120203117	Ngô Thạch	Son	24/03/1986	V120TP3QT1				
20	0673	33201025286	Nguyễn Thanh	Son	06/10/1992	VB23.2FN01				
21	0674	35221020755	Bùi Thị Thu	Sương	17/12/1997	LT27.1KN06				
22	0675	HCMVB120213036	Dương Thị Thu	Sương	12/6/1992	V121TP3KT1				
23	0676	35221025183	Đinh Thị Tuyết	Sương	30/10/1991	LT27.2KN05				
24	0677	86221020966	Phạm Thị Sương	Sương	24/12/1990	CD22CT1KT1				
25	0678	35221020649	Võ Thị Ánh	Sương	08/08/2000	LT27.1KN02				
26	0679	HCMVB120213142	Lê Trọng	Tài	30/08/2000	V121TP3QT1				
27	0680	87233020168	Nguyễn Thành	Tài	14/01/2003	V123TP3AD1				
28	0681	87224020077	Nguyễn Hồ Mai	Tâm	08/4/2001	V122TP4IB1				
29	0682	86221020129	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18/5/1993	CD22TP1QT1				
30	0683	35221025302	Bùi Duy	Tân	31/05/2001	LT27.2IB01				
31	0684	33181025338	Lê Công	Tân	10/06/1986	VB21.2AD01				
32	0685	86231480033	Lê Minh	Tân	29/11/1997	CD23SI1AD2				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-17 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214168

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0686	33211020469	Nguyễn Ngọc Minh Tân	05/08/1998	VB24.1FT01				
34	0687	35221020989	Mai Kinh Tề	15/01/1997	LT27.1FT02				
35	0688	35221020292	Đinh Thị Huệ	08/07/1999	LT27.1KN05				
36	0689	35221021332	Đỗ Thụy Phương	11/09/1988	LT27.1AD05				
37	0690	35221020441	Hắc Thị Thanh	27/08/1993	LT27.1KN06				
38	0691	HCMVB120204396	Nguyễn Thị Thanh	23/06/2000	V120TP4QT2				
39	0692	35221025376	Nguyễn Thị Thu	20/10/2000	LT27.2AD01				
40	0693	35221021347	Nguyễn Thị Xuân	28/11/1998	LT27.1KN04				
41	0694	35221020494	Nguyễn Thụy Nhật	28/11/2000	LT27.1FN01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-18 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214169

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0695	33201020354	Trần Phan Nhật	Thanh	02/09/1990	VB23.1LA01				
2	0696	HCMTC20211004	Võ Ngọc Phương	Thanh	04/02/1993	TC21TP1KT1				
3	0697	CQ20190001	Lê Công	Thành	08/6/1990	V119TP1QT1				
4	0698	35221025244	Nguyễn Đầu	Thành	26/01/1999	LT27.2IB01				
5	0699	33201025485	Nguyễn Hữu	Thành	20/01/1994	VB23.2AD01				
6	0700	87221020135	Tô Trung	Thành	31/12/1990	V122TP1TC1				
7	0701	35221025628	Vũ Thị Thu	Thành	02/06/1998	LT27.2IB01				
8	0702	33221020327	Cao Thanh	Thảo	17/09/1989	VB25.1KN01				
9	0703	33221020069	Cao Thị	Thảo	21/12/1999	VB25.1KN01				
10	0704	35221020008	Châu Thị Thanh	Thảo	01/10/2000	LT27.1KN06				
11	0705	35221020455	Đặng Thị	Thảo	06/09/2000	LT27.1AD01				
12	0706	35231020218	Đieu Thị Thu	Thảo	23/09/1996	LT28.1AD01				
13	0707	33201020413	Đỗ Thị	Thảo	19/09/1997	VB23.1LA01				
14	0708	35221020598	Hà Thu	Thảo	04/04/2000	LT27.1FT02				
15	0709	35221020752	Hoàng Thị Thanh	Thảo	03/02/2000	LT27.1FT04				
16	0710	35221021120	Hồ Thị Kim	Thảo	29/09/2000	LT27.1FT06				
17	0711	35221020261	Lê Thu	Thảo	17/02/1999	LT27.1KN04				
18	0712	35221020157	Luyện Thị	Thảo	15/05/1996	LT27.1KN06				
19	0713	35221021062	Mai Thị Thanh	Thảo	09/03/2001	LT27.1IB01				
20	0714	35221020900	Nguyễn Ngọc Miên	Thảo	22/07/1991	LT27.1KN04				
21	0715	35221020736	Nguyễn Thanh	Thảo	27/12/2001	LT27.1FT02				
22	0716	VLVB220211034	Nguyễn Thị	Thảo	04/5/1979	V221VL1KT1				
23	0717	35221020517	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/07/1998	LT27.1FT06				
24	0718	33211025428	Nguyễn Trần Linh	Thảo	04/02/1998	VB24.2HR01				
25	0719	87222020072	Quản Thị Thanh	Thảo	10/11/1990	V122TP2KT1				
26	0720	HCMCD20212001	Trần Thị	Thảo	06/8/2000	CD21TP2KT1				
27	0721	35221020727	Võ Thị Lan	Thảo	18/01/2000	LT27.1KN01				
28	0722	33201025116	Võ Thị Mai	Thảo	17/07/1994	VB23.2KN01				
29	0723	35221020783	Võ Thị Ngọc	Thảo	02/09/2001	LT27.1FT01				
30	0724	35211025280	Dương Thị Minh	Thái	29/11/1999	LT26.2MR01				
31	0725	33201025131	Đặng Minh	Thái	20/08/1992	VB23.2KN01				
32	0726	33211020336	Đỗ Đình	Thái	07/03/1993	VB24.1LA01				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-18 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214169

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0727	35221021364	Hoàng Ngọc Thái	25/01/1995	LT27.1IB03				
34	0728	33211020098	Nguyễn Văn Thái	06/06/1993	VB24.1AD01				
35	0729	35221025824	Nguyễn Thị Thắm	09/05/2000	LT27.2KN05				
36	0730	35221020388	Dương Thị Thắm	06/05/2000	LT27.1FN01				
37	0731	33221020186	Đinh Thị Hồng Thắm	05/04/1999	VB25.1KN01				
38	0732	35221021100	Huỳnh Thị Thanh Thắm	05/01/1997	LT27.1KN05				
39	0733	35221020050	Lý Thị Hồng Thắm	14/04/1998	LT27.1MR01				
40	0734	35221021041	Phạm Hồng Thắm	06/10/2001	LT27.1AD01				
41	0735	89223450027	Trà Văn Thị Thắm	22/02/1991	V222NT3LDP1				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-19 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214170

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0736	33201025123	Đặng Đôn	Thắng	02/09/1989	VB23.2AD01				
2	0737	HCMVB120203134	Nguyễn Quốc	Thắng	22/11/1993	V120TP3QT1				
3	0738	HCMVB120211085	Nguyễn Thành	Thắng	06/01/1989	V121TP1LD1				
4	0739	33211020488	Trần Quang	Thắng	24/08/1999	VB24.1MR01				
5	0740	86231980027	Bùi Thị Uyên	Thi	20/11/2001	CD23CT1FN1				
6	0741	35201020225	Đặng Ngọc	Thi	08/09/1999	LT25.1KN03				
7	0742	35221020716	Đặng Thị Cẩm	Thi	17/01/2000	LT27.1FT04				
8	0743	35221020577	Nguyễn Ngọc Minh	Thi	04/04/1999	LT27.1AD01				
9	0744	35221020797	Nguyễn Phương Uyên	Thi	01/06/1995	LT27.1KN04				
10	0745	35221020428	Nguyễn Thị Nhật	Thi	16/12/1994	LT27.1KN05				
11	0746	35221025037	Phạm Diệp	Thi	17/06/1995	LT27.2KN02				
12	0747	35201025363	Phạm Đoan	Thi	12/06/1999	LT25.2FT01				
13	0748	HCMVB120212178	Võ Thái Thi	Thi	12/09/1998	V121TP2LD1				
14	0749	86221020030	Huỳnh Thị Ngọc	Thiên	15/7/1997	CD22TP1KT1				
15	0750	35221020993	Lê Vũ	Thiện	06/11/1992	LT27.1AD04				
16	0751	HCMVB220204060	Nguyễn Hoàng	Thiện	27/11/1994	V220TP4MA1				
17	0752	HCMVB120181137	Quách Gia	Thiệu	02/5/1996	V118TP1QT1				
18	0753	35221020946	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Thích	23/04/1998	LT27.1IB01				
19	0754	35211020312	Đặng Thị	Thoa	26/03/1999	LT26.1KN01				
20	0755	35201025317	Mai Bùi Kim	Thoa	02/05/1999	LT25.2FT01				
21	0756	35221020109	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/08/1992	LT27.1KN03				
22	0757	35221020536	Phạm Thị Kim	Thoa	01/08/1999	LT27.1FT05				
23	0758	35221020599	Trần Kim	Thoa	26/02/2000	LT27.1FT02				
24	0759	35221020601	Nguyễn Minh	Thoại	25/03/1993	LT27.1KN01				
25	0760	35221025366	Trịnh Trần Minh	Thông	02/03/2001	LT27.2AD01				
26	0761	HCMVB120194116	Võ Trí	Thông	28/06/1999	V119TP4MA1				
27	0762	33211025300	Trần Minh	Thơ	08/12/1995	VB24.2AD01				
28	0763	33221020018	Lê Thị	Thu	26/09/1992	VB25.1LK01				
29	0764	35221020106	Nguyễn Lê Nhị	Thu	04/02/1998	LT27.1KN02				
30	0765	HCMCD20211082	Nguyễn Ngọc Kiều	Thu	15/8/1994	CD21TP1MA1				
31	0766	35221020685	Nguyễn Thị Hoài	Thu	23/09/2000	LT27.1IB03				
32	0767	35211025025	Ngụy Thị	Thu	28/08/2000	LT26.2AD01				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-19 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214170

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0768	87224020030	Lương Thị Như Thuần	01/01/2001	V122TP4KN1				
34	0769	35221025868	Đinh Quang Thuận	23/04/2001	LT27.2IB01				
35	0770	87222020274	Hồ Thị Thanh Thuận	05/10/1986	V122TP2QT1				
36	0771	35221020425	Nguyễn Lương Vĩnh Thuận	17/02/2001	LT27.1FT02				
37	0772	33201025225	Cao Thanh Thùy	30/04/1995	VB23.2NS01				
38	0773	35221025678	Đỗ Thị Uyên Thùy	18/12/2001	LT27.2AD01				
39	0774	35211022009	Nguyễn Thanh Thùy	26/06/1994	LT26.1FT01				
40	0775	35211025594	Nguyễn Thị Kim Thùy	10/10/2000	LT26.2EE01				
41	0776	87224020214	Nguyễn Thị Kim Thùy	10/5/1999	V122TP4AD1				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-20 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214171

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0777	35221021366	Lê Thị Phương	Thủy	06/07/1997	LT27.1IB02				
2	0778	35221020152	Lê Thị Thanh	Thủy	01/08/1989	LT27.1FN01				
3	0779	35211020748	Lê Thị Thu	Thủy	26/11/1998	LT26.1KN03				
4	0780	35221020386	Nông Thu	Thủy	25/08/1989	LT27.1AD05				
5	0781	35231020252	Trần Kim	Thủy	19/11/1999	LT28.1AD01				
6	0782	35221021082	Trần Nguyễn Thu	Thủy	23/09/2000	LT27.1AD01				
7	0783	35221025203	Trần Nguyễn Xuân	Thủy	20/11/2001	LT27.2FT02				
8	0784	33211020498	Trần Phương Ngọc	Thủy	12/01/1996	VB24.1FN02				
9	0785	35221020692	Trần Song	Thủy	06/10/1993	LT27.1AD03				
10	0786	89222020013	Trần Thị Thanh	Thủy	23/12/1989	V222TP2KT1				
11	0787	35221020104	Trương Thị Thu	Thủy	08/09/2000	LT27.1KN05				
12	0788	33211025256	Bùi Thị Thanh	Thúy	24/09/1984	VB24.2LK02				
13	0789	33201020435	Lê Thanh	Thúy	22/05/1994	VB23.1KN01				
14	0790	35211020035	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/01/1999	LT26.1FT04				
15	0791	35211025473	Nguyễn Thị Thu	Thúy	19/05/1998	LT26.2FT02				
16	0792	33221020306	Trần Thị	Thúy	07/04/1994	VB25.1IB01				
17	0793	35221025599	Võ Thị Hồng	Thúy	10/08/1990	LT27.2KN05				
18	0794	VTVB120194051	Nguyễn Ngọc	Thụy	24/3/1987	V119VT4LD1				
19	0795	35221021113	Bùi Anh	Thư	06/04/2000	LT27.1MR02				
20	0796	33201025082	Bùi Thị Anh	Thư	05/08/1994	VB23.2KN01				
21	0797	88214020082	Đinh Trần Anh	Thư	19/09/2003	V121TP4MA1				
22	0798	88214020090	Hà Minh	Thư	21/02/2003	V121TP4MA1				
23	0799	35221020520	Hoàng Minh	Thư	24/05/2000	LT27.1FT02				
24	0800	35221020826	Lê Đỗ Thanh	Thư	24/05/1999	LT27.1KN06				
25	0801	33201025393	Nguyễn Anh	Thư	17/02/1995	VB23.2AD01				
26	0802	35211025538	Nguyễn Anh	Thư	16/11/1999	LT26.2FT03				
27	0803	35221021158	Nguyễn Minh	Thư	24/02/2001	LT27.1IB01				
28	0804	35211020658	Nguyễn Thị Anh	Thư	24/05/2000	LT26.1FT04				
29	0805	87232980045	Phan Thị	Thư	06/09/1994	V123CT2KN1				
30	0806	35221021285	Phạm Huỳnh Anh	Thư	03/10/1994	LT27.1FT06				
31	0807	35211570010	Trần Quỳnh	Thư	19/12/2000	LT26KSV_KN01				
32	0808	35211020583	Trần Thị Anh	Thư	04/01/1996	LT26.1NH01				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-20 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214171

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0809	89223450031	Trần Thị Anh Thư	30/08/1986	V222NT3LDP1				
34	0810	35221025392	Trương Thị Minh Thư	22/01/2000	LT27.2FT02				
35	0811	88223020067	Vương Thị Anh Thư	09/11/2000	V122TP3KN1				
36	0812	33201025431	Kiều Lê Hoài Thương	21/01/1996	VB23.2MR01				
37	0813	35221021220	Lâm Hoài Thương Thương	10/08/1999	LT27.1MR03				
38	0814	HCMVB120211016	Lê Thị Huyền Thương	22/11/1991	V121TP1KT1				
39	0815	35221020674	Phạm Thị Hoài Thương	17/01/2001	LT27.1AD01				
40	0816	35231020407	Trần Thị Hoài Thương	12/11/1998	LT28.1KN02				
41	0817	33211020259	Nguyễn Thị Thương	05/10/1996	VB24.1IB01				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-21 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214172

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0818	HCMTC20192022	Từ Phi Từ	Thường	20/02/1996	TC19TP2KT1				
2	0819	87222020077	Lê Ngọc Quyên	Thy	15/06/2000	V122TP2KT1				
3	0820	35221020539	Đỗ Thị Thủy	Tiên	04/07/2000	LT27.1MR03				
4	0821	87223020008	Hà Thị Trúc	Tiên	31/3/1997	V122TP3KN1				
5	0822	35211025475	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	12/02/2000	LT26.2MR01				
6	0823	33211020242	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	24/11/1997	VB24.1LA01				
7	0824	35221020700	Nguyễn Thị Ngọc	Tiên	02/08/2001	LT27.1FT03				
8	0825	33201025112	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/04/1993	VB23.2KN01				
9	0826	33221020196	Nguyễn Thủy	Tiên	30/10/1998	VB25.1FN01				
10	0827	35221020892	Trần Thị Cẩm	Tiên	02/10/2001	LT27.1AD02				
11	0828	35221020026	Trần Thị Hạnh	Tiên	18/04/1993	LT27.1KN01				
12	0829	35221021222	Trịnh Thị	Tiên	25/01/2001	LT27.1FT01				
13	0830	35211025112	Ngô Đức	Tiến	10/08/1999	LT26.2FT01				
14	0831	88222020025	Nguyễn Văn	Tiến	06/01/1989	V122TP2KT1				
15	0832	HCMVB120213199	Phạm Văn Quyết	Tiến	12/01/1993	V121TP3TC1				
16	0833	33211025374	Trần Thanh	Tiến	15/09/1999	VB24.2LK02				
17	0834	87222020103	Từ Anh	Tiến	18/12/1996	V122TP2KD1				
18	0835	35221021146	Võ Minh	Tiến	11/06/1999	LT27.1MR03				
19	0836	86231480017	Nguyễn Ngọc	Tích	15/05/1993	CD23SIIAD1				
20	0837	35221021042	Nguyễn Thị Kim	Tín	29/04/2001	LT27.1AD04				
21	0838	35211025354	Nguyễn Trung	Tín	07/12/2000	LT26.2EE01				
22	0839	35221020750	Trương Trung	Tính	18/07/2000	LT27.1HQ01				
23	0840	86231480034	Thái Thị Xuân	Tới	20/06/1999	CD23SIIAD2				
24	0841	87222020044	Bùi Thị Hà	Trang	02/03/1993	V122TP2KT1				
25	0842	35221020662	Chu Thị Huyền	Trang	05/03/2001	LT27.1AD04				
26	0843	88221020268	Đặng Phan Minh	Trang	21/04/1998	V122TP1TC1				
27	0844	35221020636	Đặng Thị Mai	Trang	20/07/2000	LT27.1FT01				
28	0845	35211020415	Đoàn Thị Hương	Trang	14/10/1990	LT26.1KN01				
29	0846	33211025090	Hà Thị Mỹ	Trang	02/08/1992	VB24.2KN01				
30	0847	35221020376	Hà Thùy	Trang	20/01/2000	LT27.1FT06				
31	0848	35221025680	Hoàng Thị Thùy	Trang	21/07/2001	LT27.2AD02				
32	0849	35221020654	Hứa Duy Diễm	Trang	29/10/1991	LT27.1IB03				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-21 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214172

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0850	33211020412	Lã Hoàng Minh Trang	10/03/1999	VB24.1IB01				
34	0851	35221020771	Lê Thị Huyền Trang	11/09/2000	LT27.1FT04				
35	0852	35221021294	Lê Thị Mỹ Trang	30/12/1998	LT27.1FT02				
36	0853	35221021133	Lê Thị Thu Trang	20/09/1996	LT27.1KN01				
37	0854	33221025034	Lương Bạch Trang	22/11/1988	VB25.2LK01				
38	0855	87222020054	Nguyễn Phương Trang	21/07/1987	V122TP2KT1				
39	0856	33211025169	Nguyễn Thế Trang	11/05/1986	VB24.2AD01				
40	0857	86231480021	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/08/1995	CD23SI1AD1				
41	0858	HCMCD20212089	Nguyễn Thị Kiều Trang	07/7/1994	CD21TP2NL1				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-22 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214173

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0859	35221020521	Nguyễn Thị Thùy	Trang	23/10/1999	LT27.1FT02				
2	0860	35221025755	Nguyễn Thùy	Trang	03/09/1998	LT27.2AD03				
3	0861	35221021259	Phạm Hoàng Minh	Trang	30/03/1993	LT27.1NH01				
4	0862	35221020129	Phạm Huyền	Trang	31/05/2000	LT27.1FT04				
5	0863	33211020030	Phạm Thị Thanh	Trang	05/11/1994	VB24.1FN01				
6	0864	33211020386	Tôn Thị Huyền	Trang	28/02/1992	VB24.1NS01				
7	0865	87224020033	Võ Thị Thùy	Trang	16/3/2001	V122TP4KN1				
8	0866	33191020114	Nguyễn Thị	Trà	02/02/1992	VB22.1LA01				
9	0867	33211020019	Nguyễn Phạm Quang	Trãi	30/01/1998	VB24.1FT01				
10	0868	35221021002	Đặng Bảo	Trâm	02/09/1997	LT27.1AD04				
11	0869	35221020592	Đặng Thị Ngọc	Trâm	05/11/2000	LT27.1AD01				
12	0870	35221021138	Huỳnh Lê Ngọc	Trâm	25/10/2000	LT27.1IB01				
13	0871	35221020704	Lê Thị Bích	Trâm	08/11/1999	LT27.1AD03				
14	0872	35211025321	Ngô Thị Bích	Trâm	20/03/1995	LT26.2FT03				
15	0873	33211020196	Nguyễn Anh	Trâm	13/11/1997	VB24.1FT01				
16	0874	86231480035	Nguyễn Hồ Quế	Trâm	14/08/2000	CD23SIIAD2				
17	0875	35221020054	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	12/08/1998	LT27.1KN03				
18	0876	35221021216	Nguyễn Mai Ngọc	Trâm	20/10/1999	LT27.1MR01				
19	0877	33211025551	Nguyễn Thị Mai	Trâm	26/01/1989	VB24.2KN01				
20	0878	35201020262	Nguyễn Thị Mai	Trâm	07/11/1995	LT25.1FT03				
21	0879	35221020238	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12/08/1999	LT27.1KN06				
22	0880	35221021076	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19/10/1994	LT27.1NH01				
23	0881	35221020822	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	25/03/2001	LT27.1FT03				
24	0882	35221020133	Phan Thị Trinh	Trâm	22/10/2000	LT27.1KN01				
25	0883	35231020250	Phạm Hoàng Bích	Trâm	06/01/2000	LT28.1AD01				
26	0884	HCMVB120212128	Trần Thị Bích	Trâm	23/10/2000	V121TP2QT1				
27	0885	35221020969	Văn Thị Ngọc	Trâm	16/06/2001	LT27.1MR01				
28	0886	35221020707	Võ Thị Ngọc	Trâm	10/10/1993	LT27.1KN06				
29	0887	HCMVB120204010	Đặng Phối	Trân	01/04/1985	V120TP4KT1				
30	0888	35221021126	Đặng Quế	Trân	10/02/2000	LT27.1AD02				
31	0889	35221025213	Lê Thị Bích	Trân	12/04/2001	LT27.2KN01				
32	0890	35211020017	Nguyễn Ngọc	Trân	01/08/1995	LT26.1AD01				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-22 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214173

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0891	35221020923	Phạm Ngọc Hồng	Trân	04/03/2000	LT27.1IB01				
34	0892	35221020576	Phạm Trần Quế	Trân	05/07/2000	LT27.1FT06				
35	0893	33211025217	Trần Quốc	Trân	30/03/1995	VB24.2LK01				
36	0894	87232020001	Võ Hương	Trần	02/10/1999	V123TP2KN1				
37	0895	33221020431	Võ Lâm	Tri	12/10/1991	VB25.1LK01				
38	0896	HCMVB120194070	Lâm Phước Đông	Triều	09/08/1989	V119TP4NL1				
39	0897	35201025405	Nguyễn Thị Thủy	Triều	04/03/1999	LT25.2MR01				
40	0898	85214020017	Trần Minh	Triết	08/10/1996	TC21TP4MA1				
41	0899	35221020170	Lê Cao	Triết	16/04/2000	LT27.1KN05				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-23 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214174

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0900	HCMVB120213045	Huỳnh Nguyễn Thu	Trinh	15/09/1995	V121TP3KT1				
2	0901	35221021298	Huỳnh Thị Phương	Trinh	17/11/2001	LT27.1IB01				
3	0902	88222020024	Mang Thị Ngọc	Trinh	19/01/2000	V122TP2KT1				
4	0903	33201025341	Nguyễn Đình	Trinh	11/10/1994	VB24.1FN01				
5	0904	35221020714	Nguyễn Lâm Kiều	Trinh	26/11/2000	LT27.1FT05				
6	0905	35201025115	Nguyễn Ngọc	Trinh	13/05/1998	LT25.2FT02				
7	0906	35221020800	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	29/07/2000	LT27.1KN02				
8	0908	33221020091	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	21/02/1996	VB25.1KN01				
9	0909	HCMVB120204085	Nguyễn Thị Phương	Trinh	09/03/2000	V120TP4LD1				
10	0910	35211020477	Nguyễn Thị Việt	Trinh	29/04/1998	LT26.1FN01				
11	0911	33231020102	Nguyễn Thúy Kiều	Trinh	15/05/1994	VB26.1LK01				
12	0912	35211025426	Phan Thị Mai	Trinh	07/12/1999	LT26.2FT03				
13	0913	35221020749	Trần Thị	Trinh	23/06/1999	LT27.1KN05				
14	0914	87222020005	Trần Thị Diễm	Trinh	27/09/1993	V122TP2KT1				
15	0915	35211025353	Võ Thị Tố	Trinh	15/01/2000	LT26.2FT01				
16	0916	35221025147	Võ Thị Trinh	Trinh	14/08/2001	LT27.2FT02				
17	0917	35221020149	Huỳnh Quốc	Trí	06/03/2000	LT27.1AD05				
18	0918	35221020561	Lê Thiện	Trung	01/10/2001	LT27.1AD02				
19	0919	35211020626	Nguyễn Tấn	Trung	25/11/1998	LT26.1FN01				
20	0920	89223450036	Trần Văn	Trung	02/02/1984	V222NT3LDP1				
21	0921	35221020108	Trần Thị Xuân	Truyền	08/03/2000	LT27.1FT04				
22	0922	33221020347	Đinh Thị Kim	Trúc	09/04/1998	VB25.1FN01				
23	0923	HCMVB120212170	Nguyễn Thị Thu	Trúc	10/10/1986	V121TP2KT1				
24	0924	HCMVB120203075	Nguyễn Thị Xuân	Trúc	01/02/1992	V120TP3MA1				
25	0925	35211025313	Phan Thị Thanh	Trúc	12/03/1994	LT26.2AD01				
26	0926	HCMVB120212141	Trà Ngọc Thanh	Trúc	06/10/1993	V121TP2QT1				
27	0927	HCMVB220204164	Vũ Văn	Trưởng	31/10/1984	V221TP2LD1				
28	0928	HCMVB120202217	Nguyễn Thanh	Tuân	12/6/2000	V120TP2KD1				
29	0929	33211025221	Phạm	Tuân	16/10/1995	VB24.2LK01				
30	0930	33201020418	Dương Anh	Tuấn	07/02/1997	VB23.1FT01				
31	0931	33211025182	Lê Anh	Tuấn	07/01/1989	VB24.2LK02				
32	0932	33211020041	Nguyễn Dương	Tuấn	10/08/1998	VB24.1IB01				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-23 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214174

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0933	35201020393	Trương Nguyễn Hoàng Tuấn	09/03/1996	LT25.1FT02				
34	0934	35221021184	Lê Ngọc Tuyền	20/04/1997	LT27.1AD05				
35	0935	87232020060	Lê Thanh Tuyền	07/07/1991	V123TP2LK1				
36	0936	HCMCD20211068	Lê Thị Tuyền	20/10/1999	CD21TP1KD1				
37	0937	35201025329	Mai Vũ Bích Tuyền	07/02/1988	LT25.2KN01				
38	0938	35221020067	Nguyễn Thanh Tuyền	26/05/1997	LT27.1AD02				
39	0939	87223020026	Nguyễn Thị Kim Tuyền	26/10/1994	V122TP3KN1				
40	0940	35221020437	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	22/09/2000	LT27.1AD03				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-24 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214175

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0941	35211025245	Phan Thị Thanh	Tuyền	27/10/2000	LT26.2AD02				
2	0942	35201020566	Đặng Thanh	Tùng	07/06/1993	LT25.1AD02				
3	0943	35221020392	Hồ Đức	Tùng	03/03/1994	LT27.1AD03				
4	0944	87221020031	Đặng Thị Cẩm	Tú	14/09/2000	V122TP1KT1				
5	0945	87232020140	Hồ Anh	Tú	30/10/1993	V123TP2NH1				
6	0946	35221020663	Lê Thị Mỹ	Tú	02/05/2000	LT27.1FT05				
7	0947	35211025333	Nguyễn Thị Thanh	Tú	02/02/2000	LT26.2AD01				
8	0948	HCMVB120213203	Phan Anh	Tú	07/03/1995	V121TP3TC1				
9	0949	35221025096	Trương Cẩm	Tú	23/02/2000	LT27.2AD01				
10	0950	35221025209	Nguyễn Gia Cát	Tường	12/11/2001	LT27.2KN01				
11	0951	35211020485	Nguyễn Văn	Từ	31/12/1997	LT26.1KN02				
12	0952	35221020198	Bùi Hoàng Diễm	Uyên	16/10/1992	LT27.1AD04				
13	0953	35221025568	Đinh Thị Thu	Uyên	11/11/2001	LT27.2MR01				
14	0954	87221020039	Đoàn Thị Phương	Uyên	21/07/1992	V122TP1KT1				
15	0955	87222020128	Hồ Thị Mỹ	Uyên	14/11/2000	V122TP2KD1				
16	0956	35221021084	Huỳnh Nhã	Uyên	09/12/2001	LT27.1FT06				
17	0957	35211020737	Lê Ngọc Thảo	Uyên	22/11/1998	LT26.1FT01				
18	0958	33211025375	Lê Thị Mỹ	Uyên	19/10/1999	VB24.2LK02				
19	0959	35221020641	Lê Thị Thu	Uyên	12/01/2001	LT27.1FT02				
20	0960	35221020251	Nguyễn Huỳnh Phương	Uyên	30/12/1997	LT27.1FT06				
21	0961	35221020091	Nguyễn Phan Diệu	Uyên	08/11/1998	LT27.1AD02				
22	0962	35221020777	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	17/02/1996	LT27.1KN02				
23	0963	87223020171	Nguyễn Thị Phương	Uyên	24/10/2000	V122TP3AD1				
24	0964	35211025180	Nguyễn Thị Thu	Uyên	31/12/1999	LT26.2NH01				
25	0965	35221025886	Phan Nữ Ngọc	Uyên	14/08/1984	LT27.2KN05				
26	0966	35221020406	Trần Ngọc Phương	Uyên	25/11/1999	LT27.1KN03				
27	0967	35211020502	Trương Thị Hoàng	Uyên	17/11/1994	LT26.1KN02				
28	0968	33211020335	Nguyễn Hoàng Khánh	Văn	19/02/1992	VB24.1LA01				
29	0969	35221021026	Dương Thị	Văn	26/01/2001	LT27.1IB01				
30	0970	35221020696	Đinh Thị Tuyết	Văn	13/07/1996	LT27.1KN02				
31	0971	35211025599	Hà Thị Cẩm	Văn	15/10/1993	LT26.2IB01				
32	0972	35201020203	Hoàng Khánh	Văn	13/03/1998	LT25.1FT03				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-24 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214175

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	0973	35211020606	Hồng Thị Thanh Vân	28/03/1999	LT26.1KN01				
34	0974	35221021086	Trần Thị Cẩm Vân	25/03/1999	LT27.1FT06				
35	0975	35221020466	Nguyễn Thị Thúy Vi	10/10/2000	LT27.1FT02				
36	0976	35211020404	Tổng Tường Vi	24/02/1998	LT26.1FT04				
37	0977	35221020364	Nguyễn Thị Mỹ Viên	22/10/1999	LT27.1KN06				
38	0978	35221021188	Lương Thị Mỹ Viện	18/06/1992	LT27.1FT04				
39	0979	35221021109	Lê Hoàng Vinh	22/11/1998	LT27.1KN02				
40	0980	HCMVB120194072	Lê Xuân Hiền Vinh	11/09/1992	V119TP4NL1				
41	0981	33211020476	Phạm Thế Vinh	23/09/1994	VB24.1LA02				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 **- Phòng thi:** BOX-25 **- Giờ thi:** 07g00 **- Mã ca thi:** 214176

STT	SBD	MSSV	Họ tên		Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	0982	33211025358	Phạm Xuân	Vinh	18/03/1986	VB24.2LK01				
2	0983	33201020233	Nguyễn Văn	Vui	01/01/1992	VB23.1AD01				
3	0984	86221020037	Nguyễn Hoàng	Vũ	29/10/1994	CD22TP1KT1				
4	0985	HCMVB120204258	Nguyễn Hoàng Phi	Vũ	22/09/1992	V120TP4TC1				
5	0986	33211020146	Trần Bảo Anh	Vũ	26/09/1996	VB24.1IB01				
6	0987	35221020301	Võ Tuấn	Vũ	09/10/1991	LT27.1NH01				
7	0988	35201020521	Đào Quốc	Vương	15/12/1998	LT25.1AD01				
8	0989	HCMCD20211165	Đỗ Viết	Vương	26/6/1995	CD21TP1KT1				
9	0990	35211025107	Bùi Thị Hà	Vy	18/01/1998	LT26.2FT01				
10	0991	35221020072	Huỳnh Minh Thúy	Vy	29/07/2000	LT27.1IB02				
11	0992	33221020529	Lê Nguyễn Thảo	Vy	16/05/1993	VB25.1IB01				
12	0993	35221020886	Lê Yến	Vy	17/03/2001	LT27.1MR01				
13	0994	33221025026	Ngô Tường	Vy	13/04/1999	VB25.2LK02				
14	0995	35221020145	Nguyễn Trần Tường	Vy	17/05/1999	LT27.1FT06				
15	0996	35221020169	Nguyễn Tường	Vy	10/07/1998	LT27.1IB02				
16	0997	35211025518	Phan Thị Tường	Vy	08/11/2000	LT26.2IB01				
17	0998	88214020058	Phạm Mỹ	Vy	21/06/2000	V121TP4NL1				
18	0999	35221020514	Trương Thanh	Vy	01/04/2000	LT27.1MR01				
19	1000	35221021245	Võ Thị Thúy	Vy	20/03/1998	LT27.1AD04				
20	1001	HCMCD20204122	Vũ Thị Hồng	Vy	05/3/1999	CD20TP4QT1				
21	1002	HCMVB120194241	Trương Quang	Vỹ	05/08/1995	V119TP4QT1				
22	1003	35221020074	Lê Nguyễn Kim	Xuân	27/01/1998	LT27.1IB01				
23	1004	35221020453	Lê Thanh	Xuân	10/04/1999	LT27.1MR03				
24	1005	33221020192	Mai Thị	Xuân	24/04/1986	VB25.1KN01				
25	1006	35221020328	Nguyễn Thị Mỹ	Xuân	25/11/2000	LT27.1IB03				
26	1007	35201020306	Nguyễn Thị Ngọc	Xuân	06/07/1993	LT25.1AD02				
27	1008	35221025448	Phạm Thị Thu	Xuân	22/10/2000	LT27.2KN02				
28	1009	86221020167	Thái Thị	Xuân	13/07/1992	CD22TP1QT1				
29	1010	HCMVB220212001	Trần Thị Minh	Xuân	16/05/1978	V221TP2KT1				
30	1011	33211020253	Trần Thị Mỹ	Xuân	13/01/1984	VB24.1NS01				
31	1012	35221020629	Đặng Thị	Xuyến	01/06/1996	LT27.1KN06				
32	1013	HCMVB120181233	Huỳnh Kim	Xuyến	06/4/1996	V118TP1QT2				

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA

Môn thi: Thi Tiếng Anh đầu ra

Ngày thi: 19/11/2023 - **Phòng thi:** BOX-25 - **Giờ thi:** 07g00 - **Mã ca thi:** 214176

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	1014	35221020389	Lương Hoàng Yến	21/08/1998	LT27.1FT04				
34	1015	35221020883	Nguyễn Hoàng Yến	03/05/2001	LT27.1MR03				
35	1016	35211570007	Nguyễn Thị Bạch Yến	11/08/1980	LT26KSV_KN01				
36	1017	35221025268	Phạm Hồng Yến	01/09/2001	LT27.2FT02				
37	1018	35221025185	Phạm Nguyễn Hoàng Yến	21/04/2000	LT27.2FT01				
38	1019	35221020656	Trần Nguyễn Hoàng Yến	27/06/2001	LT27.1IB01				
39	1020	33231020070	Trịnh Phi Yến	13/03/1999	VB26.1KN01				
40	1021	35211020533	Ngô Thị Như Ý	01/04/1999	LT26.1MR01				
41	1022	35211020072	Phạm Thị Như Ý	10/10/1999	LT26.1KN03				

Số bài: _____

Số tờ: _____

Họ tên chữ ký CBCT1: _____

Họ tên chữ ký CBCT2: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: _____

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: _____

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: _____

Họ tên chữ ký CB lên điểm: _____

Họ tên thư ký nhận bài

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ

TS. Nguyễn Quốc Khanh